

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ  
KHOÁNG SẢN QUẢNG NAM

**BÁO CÁO**

**THƯỜNG NIÊN 2011**

**MINCO**

*Thăng Bình, ngày 20 tháng 4 năm 2012*

---

Trụ sở chính : Cụm Công nghiệp Hà Lam - Chợ Đước, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam  
Tel : 0510.3665022  
Fax : 0510.3665024  
Website : <http://www.minco.com.vn>



## MỤC LỤC

<b>I.</b>	<b>LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	<b>2</b>
1.	Những sự kiện quan trọng : .....	2
2.	Quá trình phát triển : .....	10
3.	Định hướng phát triển : .....	11
<b>II.</b>	<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> : .....	<b>13</b>
1.	Những tác động chủ yếu và nỗ lực vượt qua thách thức của Công ty trong năm 2011: .....	13
2.	Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2011: .....	14
3.	Những thay đổi chủ yếu trong năm 2011 : .....	17
4.	Triển vọng và kế hoạch trong tương lai : .....	19
<b>III.</b>	<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY</b> : .....	<b>23</b>
2.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: .....	27
3.	Những tiến bộ Công ty đã đạt được : .....	30
4.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành: .....	30
5.	Kế hoạch phát triển trong tương lai gần .....	31
<b>IV.</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b> .....	<b>35</b>
<b>V.</b>	<b>BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN:</b> .....	<b>35</b>
<b>VI.</b>	<b>CÁC CÔNG TY CON CÓ LIÊN QUAN:</b> .....	<b>35</b>
1.	Danh sách Công ty giữ trên 50% vốn cổ phần : .....	35
2.	Danh sách các đơn vị Công ty góp vốn tham gia liên doanh đến ngày 31/12/2011 : .....	36
<b>VII.</b>	<b>TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:</b> .....	<b>39</b>
1.	Cơ cấu tổ chức Công ty .....	39
2.	Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban giám đốc và Kế toán trưởng : .....	43
<b>VIII.</b>	<b>THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG</b> .....	<b>47</b>
1.	Hội đồng quản trị : .....	47
2.	Ban Kiểm soát : .....	49
3.	Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát : .....	50
4.	Thành viên độc lập không điều hành.....	54
5.	Tổng chi phí thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2011: .....	54
6.	Giao dịch cổ phiếu : .....	54
7.	Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn : .....	55
<b>IX.</b>	<b>THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG , HỖ TRỢ ĐỊA PHƯƠNG VÀ THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI:</b> .....	<b>57</b>



## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ KHOÁNG SẢN QUẢNG NAM**

*(Phụ lục số II, Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

**Tên Công ty niêm yết : Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam**  
**Mã Chứng khoán : MIC**  
**Năm báo cáo : 2011**

#### **I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Những sự kiện quan trọng :**

###### **1.1 Giới thiệu về Công ty**

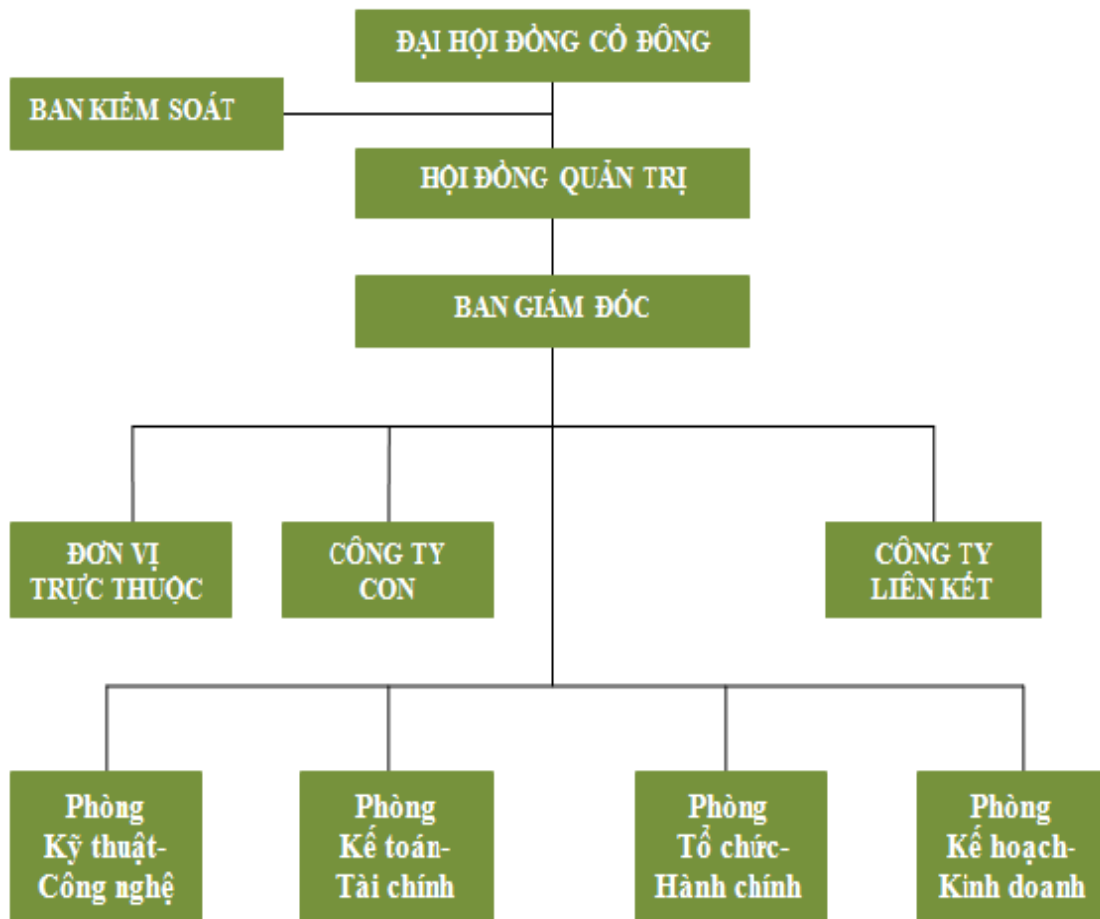
- Tên gọi doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam
- Tên tiếng Anh: Quang Nam Mineral Industry Corporation
- Tên viết tắt: MINCO
- Logo:  

- Trụ sở chính: Cụm Công nghiệp Hà Lam – Chợ Được, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại: (84.0510) 3665 022
- Fax: (84.0510) 3665 024
- Website: [www.minco.com.vn](http://www.minco.com.vn)
- E-mail: [minco@dng.vnn.vn](mailto:minco@dng.vnn.vn)
- Trụ sở chính *Cụm công nghiệp Hà Lam-Chợ Được, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam*
- Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty:

**Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình của công ty cổ phần.**

**Sơ đồ 1:**

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ  
 CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ KHOÁNG SẢN QUẢNG NAM**



**1.2 Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần :**

- Tiền thân của Công ty là Xí nghiệp Khai thác cát công nghiệp và xuất khẩu Quảng Nam - Đà Nẵng được thành lập năm 1984 theo Quyết định số 91/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng;
- Năm 1993, Công ty đổi tên thành Công ty Khoáng sản Quảng Nam-Đà Nẵng với mức Vốn kinh doanh là 228.000.000 đồng theo Quyết định 333/QĐ-TCNSĐT của Bộ Công nghiệp;



- Năm 2000, Công ty đổi tên thành Công ty Công nghiệp Miền Trung theo Quyết định 1459/QĐ-UB của UBND Tỉnh Quảng Nam;
- Năm 2004, Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước (Công ty Công nghiệp miền Trung) theo quyết định số 5078/QĐ-UB ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Ngày 25/05/2005 Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3303070128 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 25/05/2005, vốn điều lệ 4,5 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn Nhà nước là 51% vốn điều lệ ;

### **1.3 Niêm yết cổ phiếu và tình hình tăng trưởng vốn điều lệ:**

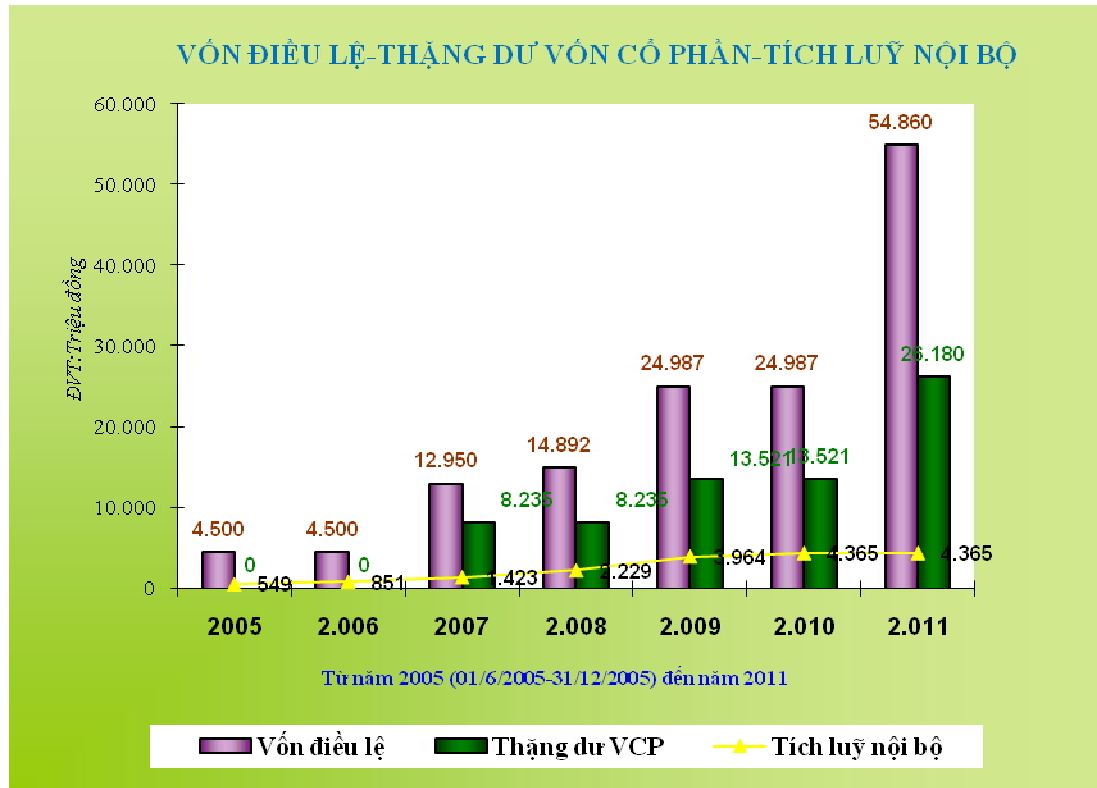
- Tháng 04/2007 Công ty tăng vốn điều lệ từ 4,5 tỷ đồng lên 12,5 tỷ đồng (phát hành thêm - 800.000 cổ phần để tái cấu trúc nguồn vốn kinh doanh, đáp ứng mức vốn điều lệ (10 tỷ đồng) đăng ký niêm yết tại Sở GDCK Hà Nội);
- Tháng 06/2007, Công ty tăng vốn điều lệ lên 12,95 tỷ đồng (phát hành 45.000 cổ phần để trả một phần cổ tức năm 2006);
- Công ty đã được niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận số 29/GCN-TTGDHN ngày 18/12/2007, Mã chứng khoán là MIC, chính thức giao dịch vào ngày 21/12/2007;
- Tháng 9/2008, Công ty tăng vốn điều lệ lên 14,8924 tỷ đồng (phát hành 194.240 cổ phần để trả cổ tức năm 2007). Ngày 07/11/2008, chính thức lưu ký chứng khoán bổ sung lần thứ 1 : 194.240 CP
- Ngày 22/10/2009, Công ty hoàn thành đợt phát hành 1.009.412 cổ phiếu ( chia cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư :496.412 cổ phiếu và chào bán cổ phiếu cho 03 cổ đông chiến lược :513.000 cổ phiếu) . Ngày 11/2/2010, chính thức lưu ký chứng khoán bổ sung lần thứ 2 : 496.412 CP, Ngày 30/12/2010, chính thức lưu ký chứng khoán bổ sung lần thứ 3 : 513.000 CP;
- Ngày 25/3/2011, Công ty hoàn thành đợt phát hành **2.987.394 cổ phiếu** (Gồm 424.629 cổ phiếu chia cổ tức năm 2009, tỷ lệ 17% theo Nghị quyết Số 01 NQ/-ĐHĐCĐ2010 ngày 29 tháng 5 năm 2010 về thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2009 và chào bán 2.562.765 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (2.446.515 CP) và người lao động trong Công ty (116.250CP) theo Điều 5 Nghị quyết Số 01 NQ/-ĐHĐCĐ2010 ngày 29 tháng 5 năm 2010 của Đại hội đồng cổ đông



thường niên năm 2010 về việc phát hành cổ phiếu chào bán ra công chúng (giai đoạn I tăng VĐL lên 56 tỷ đồng)),

- Ngày 26/5/2011 , chính thức lưu ký chứng khoán bổ sung lần thứ 4 : 2.987.394 cổ phiếu (Theo QĐ số 219/QĐ-SGDHN ngày 17/5/2011)
- Tổng số CP hiện hành của Công ty là 5.486.046 CP , tương ứng với vốn điều lệ lên 54.860.460.000 đồng, trong đó số cổ phiếu đang giao dịch tại HASTC : 5.486.046 CP (tính đến ngày 31/12/2011);
- *Vốn điều lệ*: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần thay đổi lần thứ 9, số 4000100139 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày ngày 30/ 5/ 2011 là 54.860.460.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn Nhà nước là 26,56% vốn điều lệ ( thay cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8, số 4000100139 ngày do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 07/12/2009 )





**1.4 Các thành tựu Công ty đạt được trong các năm 2000 đến 2011 :**





**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011****CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ KHOÁNG SẢN QUẢNG NAM**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Lam - Chợ Đước, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 0510.3665022/3665023 Fax: 0510.3665024 Website: [www.minco.com.vn](http://www.minco.com.vn)

<b>Thời gian</b>	<b>Danh hiệu</b>	<b>Cơ quan trao tặng</b>
<b>2000</b>	Huân chương Lao động hạng III	Chủ tịch nước
<b>2003</b>	Huy chương vàng :Sản phẩm cát khuôn đúc	Hội chợ thương mại quốc tế VIETNAM EXPO năm 2003
<b>2004</b>	Giải Quả cầu vàng tại Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn năm 2004;	Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2004
<b>2004</b>	Huy chương vàng :Sản phẩm Cát TTB (59-62) tại hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2004	Bộ Công nghiệp và Bộ Khoa học Công nghệ
<b>2004</b>	Huy chương vàng : Sản phẩm silica powder BTA#200 và BTA#325	Bộ Công nghiệp và Bộ Khoa học Công nghệ
<b>2005</b>	Huy chương vàng :Sản phẩm cát chế biến TTB (44-48)	Hội chợ Thương mại quốc tế VIETNAM EXPO năm 2005;
<b>2005</b>	Huy chương vàng : Sản phẩm silica powder BTA#400	Hội chợ Thương mại quốc tế VIETNAM EXPO năm 2005;
<b>2005</b>	Giấy khen "đã có thành tích chấp hành tốt chính sách thuế năm 2005"	(QĐ số 280/QĐ-TCT ngày 28/3/2006 của Tổng Cục thuế).
<b>2007</b>	Hai huy chương vàng : Sản phẩm cát khuôn đúc và silica powder BTA#325	Hội chợ Công nghiệp quốc tế do Bộ Công nghiệp tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh tháng 6/2007
<b>2007</b>	Bằng khen "Đã có thành tích xuất sắc thực hiện nghĩa vụ thuế năm 2007"	(QĐ số 868/QĐ-KT ngày 28/02/2008 của UBND tỉnh Quảng Nam)
<b>2008</b>	Giấy khen "đã có thành tích chấp hành tốt chính sách thuế năm 2008"	(QĐ số 388/QĐ-TCT ngày 20/4/2009 của Tổng Cục thuế).
<b>2009</b>	Bằng khen vì "" Đã thực hiện tốt chương trình phát triển công nghiệp của tỉnh Quảng Nam trong những năm qua ""	(Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 19/5/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam).

<b>2009</b>	Bằng khen do “ Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động SXKD và đóng góp tích cực vào sự phát triển cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam năm 2009”	(Quyết định số 3800/PTM-TĐKT ngày 23/12/2009 của Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam)
<b>2009</b>	Bằng khen vì " Đã có nhiều thành tích trong hoạt động SXKD góp phần phát triển KT-XH những năm qua"	(Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 01/4/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam) tại Hội nghị điển hình tiến tiến ngành Công thương Quảng Nam 5 năm (2005-2009).
<b>2010</b>	Bằng khen do “ Đã có những đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam năm 2010”	(Quyết định số 3883/PTM-TĐKT ngày 20/12/2010 của Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam)
<b>Ngày 24/02/2011</b>	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản đã được Ban tổ chức chương trình FAST500, Báo VietnamNet và Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam (VietNam Report) xếp hạng trong Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2010 - được đồng công bố bởi VietnamReport và Báo VietnamNet ( <a href="http://www.fast500.vn">http://www.fast500.vn</a> )	



## 2. Quá trình phát triển :

### 2.1. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Khai khoáng khác chưa được phân bổ vào đầu Chi tiết: Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản( trừ khoáng sản cấm);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác Chi tiết: Tư vấn đầu tư về các hoạt động khoáng sản và thiết kế mỏ;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng Chi tiết: Trồng rừng nguyên liệu;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thăm dò địa chất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê kho bãi, nhà xưởng sản xuất, văn phòng làm việc;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Sản xuất sợi.

### 2.2. Tình hình hoạt động:

- Ngày **16/5/2011**, MINCO đã Ký hợp đồng với Công ty RED LION (Slovakia) về việc MINCO cho thuê 504 m<sup>2</sup> nhà xưởng và 70 m<sup>2</sup> nhà làm việc trong diện tích MINCO đang quản lý với thời hạn 10 năm để thành lập một Công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài .MINCO sẽ là Nhà cung cấp nguyên liệu chính duy nhất .
- Ngày **06/6/2011** Công ty hoàn thành việc góp đủ giá trị phần vốn góp tham gia liên doanh Công ty TNHH vàng Phước sơn .
- Ngày **22/6/2011**, tham gia vốn thành lập công ty CP thủy tinh Châu Âu (EU GLASS Joint Stock Company) , MINCO tham gia tỷ lệ 10% Vốn điều lệ (100 tỷ đồng). Mục tiêu: Đầu tư dự án Nhà máy sản xuất thủy tinh cao cấp tại huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.
- Ngày **02/8/2011**, UBND tỉnh SeKong, chính thức cấp phép cho Công ty thăm dò-khảo sát khoáng sản và đối tác Công ty MINCO được phép “tuyển khoáng sản vàng từ công việc khai thác cát và sỏi” và Ngày 01 tháng 12 năm 2011, Sở năng lượng và khoáng sản tỉnh SeKoong cấp phép khai thác vàng sa khoáng ,diện tích 50 hecta tại huyện DắcChung.



- Ngày 17/ 12/2011 , Công ty hoàn thành việc chuyển đổi 2 chi nhánh sang hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV do Công ty chủ sở hữu, chính thức chuyển đổi mô hình tổ chức công ty theo mô hình công ty mẹ-con
- Công ty thường xuyên duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 nên đã góp phần phát huy hiệu quả trong công tác quản lý.
- Sản phẩm của MINCO khẳng định được thương hiệu trên một số thị trường lớn trong khu vực như Nhật bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái lan ,...các sản phẩm mới (vải sợi thủy tinh) cũng đã được khách hàng trong và ngoài nước đặc biệt quan tâm , đây có thể xem là lợi thế so sánh của Công ty so với các đơn vị cùng ngành.

### **3. Định hướng phát triển :**

#### **3.1 Định hướng chung :**

*Tập trung mọi nguồn lực ổn định hoạt động SXKD, đẩy nhanh tiến độ chuyển dịch cơ cấu sản xuất kinh doanh theo hướng chế biến sâu nhằm tạo ra nhiều sản phẩm từ nguyên liệu khoáng có hàm lượng công nghệ và giá trị kinh tế cao ; chú trọng thay đổi phương thức quản lý nhằm phát huy tối đa hiệu quả SXKD của các Công ty con, Chi nhánh ; tăng cường công tác dự báo, nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính an toàn, hiệu quả ; coi trọng phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong định hướng phát triển của Công ty, xác định đây là những tiền đề và điều kiện quyết định để nâng cao sức cạnh tranh và uy tín của Công ty trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố thách thức đối với doanh nghiệp.*

### 3.2 Các mục tiêu chủ yếu:

Mục tiêu của Công ty trong giai đoạn 05 năm tới là phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh vừa sâu (gia tăng hàm lượng công nghiệp trong giá trị sản phẩm, tăng quy mô công suất sản xuất đối với các sản phẩm chế biến sâu) vừa rộng (địa bàn và lĩnh vực hoạt động) nhằm xác lập vị thế vững chắc của công ty trên thị trường nội địa và khu vực Đông Á.  
Cụ thể :

- (1) *Nâng nguồn vốn chủ sở hữu lên mức 200 tỷ đồng, trong đó vốn điều lệ chiếm hơn 50%.*
- (2) *Nâng công suất NM silica powder (giai đoạn I) lên 20.000 tấn/năm theo hướng tăng cơ cấu sản phẩm loại BTA 200; 325 và > 400 mesh; nâng công suất NM Vải sợi thủy tinh QN ở quy mô 10.000 tấn sp/năm theo hướng đa dạng mẫu mã sản phẩm vải thủy tinh, nâng công suất các khuôn đúc lên 50.000 tấn/năm. Hợp tác với các công ty nước ngoài xây dựng NM sản xuất cát khuôn đúc bọc resin, Bột mastic cao cấp, white carbon, cát siêu sạch, siêu mịn,.. từ nguồn nguyên liệu cát trắng.*
- (3) *Cân đối các nguồn lực giữa hoạt động SXKD trong nước và đầu tư vốn trực tiếp ra nước ngoài (CHDCND Lào) để đảm bảo hiệu quả đầu tư .*
- (4) *Tăng tỷ lệ vốn góp trong liên doanh Công ty TNHH vàng Phước Sơn từ 15% lên 30% (750.000USD lên 1.500.000 USD).*
- (5) *Thông qua việc phát triển một cách hiệu quả hoạt động SXKD, tăng tỷ lệ tích lũy nội bộ, từng bước đưa cấu trúc nguồn vốn dần trở lại cân bằng nhằm đảm bảo lợi ích kinh tế của cổ đông và các Nhà đầu tư, duy trì và ổn định việc làm cho CBCNV, thu nhập bình quân của người lao động tăng hàng năm 15%.*

### 3.3 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Tập trung mọi nguồn lực ổn định hoạt động SXKD, đẩy nhanh tiến độ chuyển dịch cơ cấu sản xuất kinh doanh theo hướng chế biến sâu nhằm tạo ra nhiều sản phẩm từ nguyên liệu khoáng có hàm lượng công nghệ và giá trị kinh tế cao, cân đối địa bàn hoạt động và lựa chọn giải pháp khai thác và hợp tác khai thác

vàng tại tỉnh SeKong, Lào hợp lý và đảm bảo hiệu quả; chú trọng thay đổi phương thức quản lý nhằm phát huy tối đa hiệu quả SXKD của các Công ty con, Chi nhánh ; tăng cường công tác dự báo, nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính an toàn, hiệu quả ; coi trọng phát triển bền vững là yêu cầu xuyên



suốt trong định hướng phát triển của Công ty, xác định đây là những tiền đề và điều kiện quyết định để nâng cao sức cạnh tranh và uy tín của Công ty trong

bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố thách thức đối với doanh nghiệp.

## **II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ :**

### **1. Những tác động chủ yếu và nỗ lực vượt qua thách thức của Công ty trong năm 2011:**

- Năm 2011 nền kinh tế nước ta gặp rất nhiều khó khăn và thách thức; tỷ lệ lạm phát tăng cao, lãi suất tăng cao, hoạt động SXCKD của Công ty tiếp tục chịu tác động bởi giá cả thị trường biến động tăng (Nhiên liệu, điện, vật tư, ...); thuế suất và giá tính thuế tài nguyên tăng bình quân 1,5 và 3,5 lần,..) so với năm 2010, ảnh hưởng đến công tác quản lý điều hành và giảm thiểu hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty.
- Các dự án hợp tác đầu tư trong năm (Dự án Hợp tác thành lập Công ty CP bao bì thủy tinh Châu Âu ) chịu tác động của khủng hoảng nợ công Châu Âu nên tiến độ triển khai chậm; Dự án cung cấp nguyên liệu chính cho Công ty Red Lion để sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp không đạt kế hoạch, do Red Lion đang trong quá trình hiệu chỉnh thiết bị, hơn nữa sản phẩm sản xuất là loại sản phẩm xây dựng cao cấp cần phải có thời gian tiếp cận thị trường; khoản thu nhập đầu tư tài chính từ liên doanh Công ty TNHH vàng Phước Sơn chưa thực hiện. Những yếu tố trên đã tác động đến hiệu quả SXKD chung của Công ty.
- Công ty chưa cân đối nguồn nguyên liệu trong nước và địa bàn hoạt động khai thác khoáng sản tại Lào, chưa dự lường hết những thay đổi bất lợi từ chủ trương và chính sách quản lý khoáng sản trong và ngoài nước, bên cạnh đó tiến độ chuyển đổi mô hình tổ chức quản lý chậm, chưa chú trọng đến công tác quản trị tài chính nên việc điều hành thiếu linh hoạt, nhạy bén dẫn đến hoạt động SXKD không hiệu quả, đây là nguyên nhân chính dẫn đến các chỉ số năng lực tài chính thời điểm cuối năm thấp hơn cùng kỳ năm 2010
- Các Công ty liên doanh chưa xây dựng quy chế quản trị Công ty nên MINCO hạn chế cập nhật thông tin tài chính định kỳ (Quý) và vì vậy MINCO khó có cơ sở xem xét chiến lược các công ty liên doanh đưa ra hàng năm có còn phù hợp với tình hình hiện tại, hay cần phải thay đổi những điểm nào để tham gia đề xuất các giải pháp ưu tiên nhằm giảm bớt rủi ro trong hoạt động đầu tư tài chính, sớm nâng cao hiệu quả kinh tế của phần vốn đã góp của MINCO trong các liên doanh



## **2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2011:**

### **2.1. Phát hành cổ phiếu chia cổ tức đợt 2/2009 và chào bán cổ phiếu giai đoạn I; tạm ứng cổ tức đợt 1/2010 và thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2010 bằng tiền mặt:**

- Tổng số cổ phiếu phát hành năm 2011 là 2.987.394 cổ phiếu (Gồm 424.629 cổ phiếu chia cổ tức đợt 2/2009, tỷ lệ 17% và chào bán 2.562.765 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và người lao động trong Công ty theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 753/UBCK-GCN do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 07/12/2010, tăng vốn điều lệ từ 24.986.520.000 đồng lên 54.860.460.000 đồng
- Hoàn thành việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010 bằng tiền tỷ lệ 15% bằng tiền mặt và thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2010 bằng tiền mặt, tỷ lệ thực hiện :5%, Tổng số tiền chi trả : 6.490.751.000 đồng ( 3.747.790.500 +2.742.960.500)

### **2.2. Tình hình sử dụng vốn phát hành :**

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu là : 38.441.475.000 đồng , trong đó thặng dư vốn : 12.658.865.000 đồng. Công ty sử dụng vốn phát đúng đúng nội dung và mục đích theo giấy

phép phát hành của UBCKNN (Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 753/UBCK-GCN do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 07/12/2010)

### **2.3. Mua cổ phiếu quỹ:**

Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: 500.000 CP, số lượng cổ phiếu đã mua 30.200 CP ; số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 30.325 CP.

Tổng số tiền mua : 411.843.530 đồng bằng nguồn vốn thặng dư từ đợt chào bán cổ phiếu (đợt 1 năm 2011).

### **2.4. Các hoạt động đầu tư tài chính :**

Ngày **06/6/2011** Công ty hoàn thành việc góp đủ 15% giá trị phần vốn góp tham gia liên doanh Công ty TNHH vàng Phước sơn, hình thức góp vốn

bằng tiền mặt ( USD 750.000 # 15.397.500.000 VNĐ)



## 2.5. Tình hình thực hiện 2011 so với thực hiện năm 2010 và kế hoạch 2011 :

TT	Chỉ tiêu	DVT: 1.000 đồng			Thực hiện 2011 so với(*)	
		Thực hiện năm trước (2010)	Kế hoạch năm nay (2011)	Thực hiện năm nay (2011)	TH 2010	KH 2011
1	Doanh thu thuần	85.908.510	175.670.857	89.517.246	104%	51%
2	Tổng chi phí	74.374.906	152.018.163	108.681.658	146%	71%
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.533.604	23.652.694	(19.164.412)	-166%	-81%
	Trong đó gồm các hoạt động:					
a	Hoạt động SXKD của Công ty	10.254.419	8.200.198	(5.198.236)	-51%	-63%
b	Khai thác khoáng sản tại Lào	1.279.184	14.786.860	(13.084.874)	-1023%	-88%
c	Hợp tác NM Vải sợi thủy tinh	0	665.636	(881.302)		-132%
d	Liên doanh vàng Phước sơn (PSGC)	0	0	0		
4	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	8.022.343	17.739.521	(15.156.662)	-189%	-85%
5	Cổ phiếu lưu hành bình quân	2.923.156	5.485.921	4.891.304	167%	89%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.745	3.234	(3.099)	-113%	-96%
7	Tỷ lệ trả cổ tức (%)	20%	20%	0%	0%	0%
8	Tổng vốn đầu tư XD/CB	14.003	32.000	19.811	141%	62%
9	Tổng quỹ lương thực hiện	10.117	17.848	8.048	80%	45%
10	Tổng số lao động	243	305	243	100%	80%
11	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	4.125	4.877	2.760	67%	57%

(\*) Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2010, 2011 và Kế hoạch SXKD năm 2011 trình tại ĐHCĐTN năm 2011, ngày 21/5/2011)

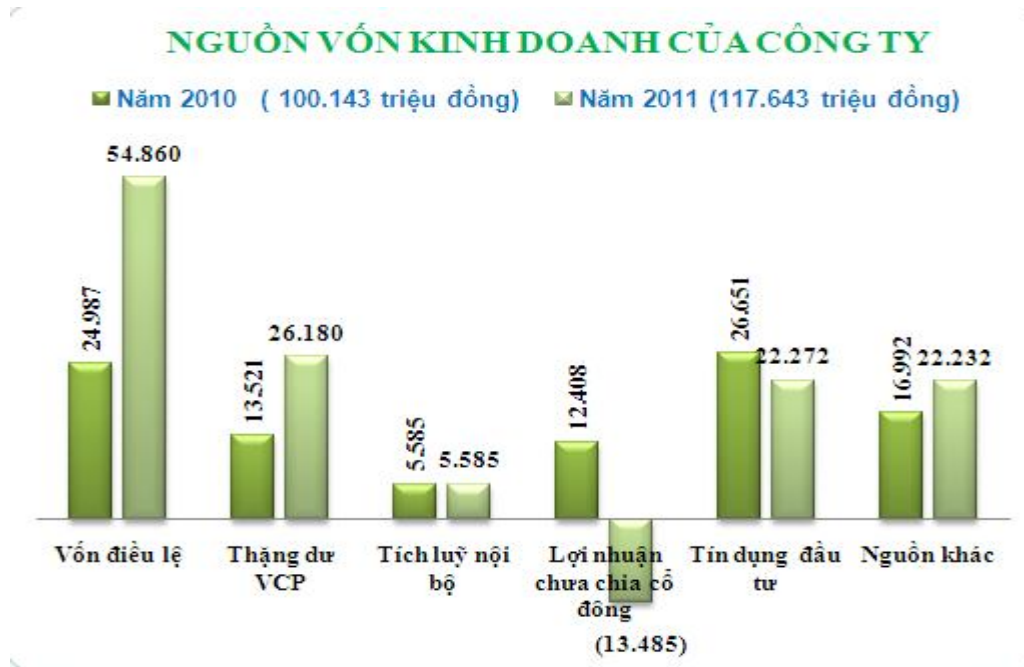




**b. Thông tin một số chỉ tiêu tài chính so với năm 2010**

<b>Bảng cân đối kế toán (Triệu đồng)</b>	<b>2010</b>	<b>2011</b>	<b>2011/2010</b>
Tổng tài sản	100.143	117.643	117%
Tổng nợ phải trả	42.969	44.658	104%
Tài sản thuần	57.174	72.985	128%
<b>Kết quả kinh doanh (Triệu đồng)</b>	<b>2010</b>	<b>2011</b>	<b>2011/2010</b>
Doanh thu thuần	85.909	89.517	104%
Lợi nhuận gộp	40.125	16.483	41%
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	9.094	(19.887)	-219%
Lợi nhuận sau thuế	8.022	(15.157)	-189%
Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBITDA )	14.343	(15.282)	-107%
<b>Chỉ số tài chính</b>	<b>2010</b>	<b>2011</b>	<b>2011/2010</b>
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế và lãi vay trên Tổng vốn kinh doanh b/q (ROA)	15,09%	-14,03%	-93%
Tỷ suất P sau thuế trên vốn CSHb/q (ROE)	14,96%	-23,29%	-156%
Nợ/vốn chủ sở hữu b/q	80,11%	68,62%	86%
<b>Tính trên 1 cổ phiếu (đồng)</b>	<b>2010</b>	<b>2011</b>	<b>2011/2010</b>
Thu nhập	2.745	(3.099)	-113%
Giá trị sổ sách	22.883	13.304	58%
Cổ tức thực hiện	2.000	0	0%

### c. Nguồn vốn kinh doanh của Công ty :



### 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2011 :

( Về hợp tác đầu tư và đầu tư tài chính, chuyển đổi mô hình quản lý, công tác thị trường và quảng bá thương hiệu, sản phẩm mới và thị trường mới)

*Về các dự án đầu tư phát triển mới và đầu tư tài chính*

- Ngày **16/5/2011**, MINCO đã Ký hợp đồng với Công ty RED LION (Slovakia) về việc MINCO cho thuê 504 m2 nhà xưởng và 70 m2 nhà làm việc trong diện tích MINCO đang quản lý với thời hạn 10 năm để thành lập một Công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài .MINCO sẽ là Nhà cung cấp nguyên liệu chính duy nhất .
- Ngày **06/6/2011** Công ty hoàn thành việc góp đủ giá trị phần vốn góp tham gia liên doanh Công ty TNHH vàng Phước sơn
- Ngày **22/6/2011**, tham gia vốn thành lập công ty CP thủy tinh Châu Âu (EU GLASS Joint Stock Company) , MINCO tham gia tỷ lệ 10% Vốn điều lệ (100 tỷ đồng). Mục tiêu: Đầu tư dự án Nhà máy sản xuất thủy tinh cao cấp tại huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.
- Ngày **02/8/2011**, UBND tỉnh SeKong, chính thức cấp phép cho Công ty thăm dò-khảo sát khoáng sản và đối tác Công ty MINCO được phép “tuyển khoáng sản vàng từ công việc khai thác cát và sỏi” và Ngày 01 tháng 12 năm 2011, Sở năng lượng và khoáng sản tỉnh SeKoong cấp phép khai thác vàng sa khoáng ,diện tích 50 hecta tại huyện DắcChung.



*Về chuyển đổi mô hình quản lý và nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành:*

- Ngày 17/ 12/2011 , Công ty hoàn thành việc chuyển đổi 2 chi nhánh sang hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV do Công ty chủ sở hữu, chính thức chuyển đổi mô hình tổ chức công ty theo mô hình công ty mẹ-con.
- Công ty thường xuyên duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 nên đã góp phần phát huy hiệu quả trong công tác quản lý.

*Về công tác tiêu thụ sản phẩm và quảng bá thương hiệu:*

Sản phẩm của MINCO khẳng định được thương hiệu trên một số thị trường lớn trong khu vực như Nhật bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái lan ,...các sản phẩm mới (vải sợi thủy tinh)

cũng đã được khách hàng trong và ngoài nước đặc biệt quan tâm , đây có thể xem là lợi thế so sánh của Công ty so với các đơn vị cùng ngành.

*Về các hoạt động khác :*

- Mặc dầu hoạt động SXKD rất khó khăn, song Công ty đã có rất nhiều cố gắng sắp xếp việc làm cho hơn 250 CBCNV và 50 lao động thời vụ tại địa phương, thực hiện đúng chế độ, chính sách nhà nước quy định đối với người lao động.
  - Ngoài ra, Công ty luôn hoàn thành hoàn thành tương đối xuất sắc các nghĩa vụ
- nộp ngân sách nhà nước, quản lý điều hành hoạt động SXKD tuân thủ đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện đúng quy chế quản trị Công ty và chế độ công bố thông tin theo quy định của UBCKNN.

**Đánh giá chung:**

*Năm 2011, tác động khách quan của khủng hoảng tài chính kéo dài, chính sách quản lý tài nguyên, giá cả vật tư tăng liên tục, các chi phí đầu vào tăng từ 25 đến trên 30%, chi phí tài chính tăng cao làm giảm thiểu hiệu quả kinh doanh của của doanh nghiệp.*

*Ngoài những mặt làm được, trong công tác quản lý điều hành, Công ty chưa quan tâm đúng mức đến việc cân đối các nguồn lực giữa hoạt động SX trong nước và hoạt động đầu tư vốn trực tiếp ra nước ngoài (Lào) và khi gặp biến động không thuận lợi thì không có những giải pháp linh hoạt, nhạy bén để ứng phó, đây là nguyên nhân cốt lõi dẫn đến không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 thông qua.*



#### **4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai :**

##### **4.1. Những thách thức, cơ hội và định hướng mục tiêu kinh doanh trong các năm 2012-2013**

###### **a. Khó khăn và thách thức :**

- Tình hình kinh tế thế giới năm 2012 phục hồi chậm, còn nhiều biến động bất thường phải đối phó, lãi suất còn cao, việc Chính phủ chủ trương tái cấu trúc nền kinh tế vừa mang lại cơ hội nhưng trước mắt vẫn tiềm ẩn những bất ổn kinh tế với những mâu thuẫn ngày càng phức tạp.
- Lạm phát vẫn có khả năng nguy cơ tăng cao do biến động giá dầu ; giá xăng dầu trong nước sẽ được điều chỉnh theo giá thị trường sẽ làm chi phí đầu vào tăng đột biến ; lãi suất cho vay có xu hướng giảm nhưng vẫn duy trì ở mức cao nên chắc chắn ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty do chi phí sản xuất tăng.
- Tiền thuê đất, lệ phí môi trường tăng quá cao (Từ 20.000 đồng/m<sup>3</sup> lên 50-70.000 đồng/tấn) tương ứng với tăng 8 lần đối với Bột tràng thạch (nguyên liệu cho các Nhà máy gạch men) trong khi dự báo thị trường bất động sản năm 2012 khó có sự tăng trưởng do chính sách thắt chặt tiền tệ của nhà nước.
- Tỷ giá VNĐ/USD dự báo tiếp tục điều chỉnh tăng, đây vừa là cơ hội cho Công ty nâng cao hiệu quả kinh doanh các sản phẩm xuất khẩu, nhưng cũng là thách thức lớn trong quản lý chi phí đầu vào.
- Chính phủ và chính quyền địa phương sẽ có nhiều chủ trương, chính sách lớn về quản lý trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản theo hướng bảo vệ môi trường và nâng cao giá trị tài nguyên.
- Chính phủ Lào sẽ tiếp tục có nhiều thay đổi về cơ chế, chính sách trong quản lý hoạt động khoáng sản theo hướng không thuận lợi cho Công ty.
- Các chỉ số năng lực tài chính năm 2011 quá thấp, Công ty sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn và giữ được uy tín trong quan hệ tín dụng với các ngân hàng thương mại và các nhà cung cấp đang giao dịch.



- Nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu cho phát triển sản xuất – kinh doanh và triển khai đồng bộ các dự án mới vẫn tiếp tục sẽ còn gặp nhiều khó khăn, nhất là nhân lực chuyên ngành khoáng sản, công nghệ phát triển sản phẩm mới,...
- Tình hình thời tiết năm Nhâm Thìn (2012) cũng được dự báo là diễn biến bất thường đặc biệt là mùa mưa bão sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động khai thác khoáng sản của Công ty cả trong và ngoài nước.

**b. Những nhân tố thuận lợi và cơ hội :**

- Lợi thế về các Nhà máy chế biến sản phẩm đều ở gần nguồn nguyên liệu , đặc biệt ngay từ đầu Quý II/2012 Công ty đã cân đối kế hoạch nguồn nguyên liệu trong nước và địa bàn hoạt động khai thác khoáng sản tại tỉnh SeKong (Lào) đảm bảo cho việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2012 ổn định và hiệu quả.
- Việc Công ty hoàn thành việc góp đủ giá trị phần vốn góp tham gia liên doanh Công ty TNHH vàng Phước sơn sẽ hứa hẹn mang lại hiệu quả lợi ích kinh tế đáng kể cho Công ty kể từ năm 2012 trở về sau.
- Công ty đã chính thức chuyển đổi mô hình quản lý Công ty mẹ-con đây vừa là điều kiện thuận lợi cho các công ty con, các chi nhánh chủ động trong quản trị điều hành nâng cao hiệu quả trong SXKD vừa là cơ hội để các Công ty con phát triển hoạt động SXKD, đảm bảo tăng hiệu quả kinh doanh chung của Công ty trong kế hoạch 2012.
- Năm 2011 với nhiều khó khăn, song Công ty vẫn củng cố thị trường xuất khẩu và mở rộng các thị trường tiềm năng đối với sản phẩm truyền thống và sản phẩm mới, đây có thể xem là lợi thế không nhỏ trong bối cảnh kinh tế thế giới chưa có dấu hiệu phục hồi và vẫn còn nhiều rủi ro tiềm ẩn.
- Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2008 được duy trì , cải tiến và vận hành thống suốt sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành chung của Công ty.



- Công ty luôn được nhận sự hỗ trợ tích cực và vào tạo điều kiện thuận lợi của của các cơ quan, ban ngành và nhân dân tại địa bàn sản xuất trong tỉnh Quảng Nam và huyện Kaleum và DakCheung, tỉnh Sê Kông CHDCND Lào.

#### **4.2 Định hướng kinh doanh năm 2012 :**

Trên cơ sở mục tiêu chung mang tính chiến lược trong giai đoạn 2011-2015, năm 2012 công ty xây dựng định hướng kinh doanh tập trung vào các nội dung chủ yếu sau :

**a. *Cân đối kế hoạch sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước.***

Tập trung giải pháp quản lý nhằm đảo bảo cho việc duy trì và cân đối hoạch nguồn nguyên liệu trong nước và địa bàn hoạt động khai thác khoáng sản tại CHDCND Lào ổn định trong kế hoạch 2012-2015; Chú trọng tính toán cân đối các nguồn lực giữa hoạt động SXKD trong nước và hoạt động đầu tư vốn trực tiếp ra nước ngoài (CHDCND Lào), lựa chọn giải pháp khai thác và phương thức hợp tác khai thác vàng tại CHDCND Lào hợp lý và đảm bảo hiệu quả.

**b. *Chuyển dịch cơ cấu sản xuất kinh doanh:***

Đẩy nhanh tiến độ đầu tư chế biến sâu tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng ổn định, đa dạng mẫu mã và cơ cấu sản phẩm có giá trị gia tăng lớn nhằm phát huy hiệu quả kinh tế và lợi thế của Công ty, đặc biệt tập trung nghiên cứu tạo ra nhiều sản phẩm có bản sắc riêng khác biệt của công ty so với các đơn vị cùng ngành để tiếp cận thị trường và khách hàng phù hợp nhằm tìm kiếm cơ hội đầu tư nâng cao năng lực sản xuất trong vài năm tới.

**c. *Nâng cao hiệu quả SXKD của các Công ty con, Chi nhánh:***

Phát huy tối đa hiệu suất sử dụng các nguồn lực, bảo đảm cho sự ổn định và tăng hiệu quả của từng đơn vị để góp phần đảm bảo mức tăng trưởng chung của toàn Công ty.

Trên cơ sở mục tiêu chung mang tính chiến lược trong giai đoạn 2011-2015, năm 2012 công ty xây dựng định hướng kinh doanh tập trung vào các nội dung chủ yếu sau :

**d. *Đẩy mạnh công tác thị trường và quan hệ cổ đông:***

Chú trọng phát triển thị trường nội địa một cách sâu rộng và ổn định, Kết hợp kinh doanh các sản phẩm hiện có với kinh doanh thương mại các các dòng sản phẩm mới, thiết lập các kênh phân phối bán lẻ thông qua các đại lý theo khu vực, thường xuyên xúc tiến thương mại, quảng bá hình ảnh công ty để mở rộng thị trường xuất khẩu sản phẩm mới và tăng cường công tác quan hệ cổ đông và các Nhà đầu tư.

**e. *Nâng cao hiệu quả đầu tư:***

- Đầu tư xây dựng nguồn lực lao động phải đảm bảo ổn định, kế thừa và phát triển; ưu tiên đặc biệt trong việc đề ra các giải pháp tái cấu trúc nguồn vốn để cải thiện tình hình tài chính, khai thác hiệu quả các tài sản đã đầu tư, tăng tỷ lệ tích lũy nội bộ, từng bước đưa cấu trúc nguồn vốn dần trở lại cân bằng. Tiếp tục xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý công ty cho phù hợp với yêu cầu mở rộng địa bàn hoạt động và hình thức hợp tác kinh doanh của Công ty (trong và ngoài nước) nhằm phát huy hiệu quả công tác quản lý điều hành ; Đầu tư vốn tăng năng lực sản xuất phải có trọng tâm và theo hướng coi trọng chất lượng tăng trưởng bền vững ; tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư các dự án NM sản xuất cát bọc nhựa resin , NM sản xuất cát siêu sạch, siêu mịn,...NM sản xuất bột mastris, white carbon,... ); chú trọng thực hiện đúng quy định về công tác bảo vệ và phục hồi môi trường sau khai thác.



### III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY :

#### 2. Báo cáo tình hình tài chính:

##### 1.1 Các chỉ tiêu tài chính :

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2011	So sánh 11/10
<b>A</b>	<b>Chỉ tiêu khả năng thanh toán &amp; cơ cấu vốn</b>				
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu và khả năng thanh toán :</b>	<b>Lần</b>			
<i>a</i>	Hệ số thanh toán ngắn hạn : TSLĐ/Nợ ngắn hạn		0,85	0,65	77%
<i>b</i>	Hệ số t/toán nhanh (TSLĐ -hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn		0,62	0,39	63%
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu và cơ cấu vốn (Cơ cấu tài sản)</b>	<b>%</b>			
<i>a</i>	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		69,29	78,78	114%
<i>b</i>	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		30,71	21,22	69%
<b>3</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>	<b>%</b>			
<i>a</i>	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn(Hệ số nợ/Tổng nguồn vốn)		42,91	39,62	92%
<i>b</i>	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (Hệ số nợ/VCSH)		75,16	63,87	85%
<i>c</i>	Vốn điều lệ/Tổng nguồn vốn		24,95	46,63	187%
<i>d</i>	Vốn CSH/ Tổng nguồn vốn		57,09	62,04	109%
<b>B</b>	<b>Chỉ tiêu năng lực hoạt động và khả năng sinh lời</b>				
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu và năng lực hoạt động :</b>	<b>Vòng</b>			
<i>a</i>	-Vòng quay tổng tài sản		0,86	0,76	89%
<i>b</i>	-Vòng quay tài sản cố định		1,34	1,10	83%
<i>c</i>	-Vòng quay vốn lưu động		2,79	3,21	115%
<i>d</i>	-Vòng quay các khoản phải thu		5,52	6,65	120%
<i>e</i>	-Vòng quay các khoản phải trả		2,07	2,00	96%
<i>f</i>	- Vòng quay hàng tồn kho		7,26	8,04	111%



## 1.2 Các chỉ số thị trường và chỉ số tài chính cơ bản :

### a. Các chỉ số thị trường :

tt	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011
1	Giá trị sổ sách (Đ/CP)	22.883	13.303
2	Thị giá cổ phiếu (Ngày 31/12/20 (2011) (Đ/CP)	64.600	10.300
3	Cổ phiếu lưu hành (CP)	2.498.527	5.486.460

### b. Các chỉ số tài chính cơ bản

tt	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011
1	Vốn lưu động/Tổng tài sản	-0,06	-0,11
2	Lợi nhuận giữ lại/Tổng tài sản	0,04	0,04
3	Lợi nhuận trước lãi vay và thuế TNDN/Tổng tài sản	0,14	-0,13
4	Giá thị trường của Vốn CSH trên Giá trị sổ sách của tổng nợ	3,76	1,27
5	Doanh thu /Tổng tài sản	0,86	0,76

Hoạt động SXKD không hiệu quả dẫn đến chỉ số năng lực tài chính thời điểm cuối năm thấp hơn cùng kỳ năm 2010 và các chỉ số tài chính cơ bản (rủi ro tín dụng) không nằm trong vùng an toàn, Công ty sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn và giữ được uy tín trong quan hệ tín dụng với các ngân hàng thương mại và các nhà cung cấp đang giao dịch.

## 1.3 Những biến động và những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân:

- Hiệu quả SXKD của Công ty chịu tác động khá lớn từ việc thay đổi chính sách quản lý tài nguyên của Nhà nước và địa phương, cụ thể : Từ ngày 01/7/2010, thuế suất thuế tài nguyên tăng, cụ thể : Hoạt động khai thác cát : từ 7% lên 11%; khai thác Tràng thạch từ 12-15% và khai thác vàng : từ 9% lên 15% ( Thông tư 105/TT-BTC ngày 23/7/2010) và thuế nước ngầm cũng tăng từ 2% lên 6%. Tháng 12 năm 2010 giá tính thuế tài nguyên bình quân tăng hơn 3,5 lần so với năm 2009, cụ thể : Giá tính thuế tài nguyên đối với cát thủy tinh tăng từ 70.000 đồng/m<sup>3</sup> lên 250.000 đồng/m<sup>3</sup>; Tràng thạch từ 60.000 đ/tấn tăng lên 210.000 đồng/m<sup>3</sup> và sản phẩm Vàng từ 15% trên giá bán được tính theo mức giá tính thuế : 600.000 đồng/gam (quy về 98%) theo QĐ số 29/2010/QĐ-UBND ngày 02/12/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam.



- Công ty chưa chú trọng cân đối được các nguồn lực giữa kế hoạch SX trong nước và hoạt động đầu tư tại Lào, NM Vải sợi thủy tinh Quảng Nam vận hành chưa đạt công suất thiết kế, thị trường BDS ảm đạm kéo dài, nhiều doanh nghiệp sử dụng nguyên liệu (Fenspat) của Công ty hoạt động cầm chừng, nên sản lượng tiêu thụ giảm 46%; hoạt động hợp tác khai thác khoáng sản tại Lào và hoạt động đầu tư vốn vào các công ty liên doanh chưa thu được lợi ích kinh tế.

#### 1.4 Giá trị sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2011 (Số liệu đã kiểm toán)

TT	Chỉ tiêu	Số dư cuối kỳ (31/12/2010)	Số dư cuối kỳ (31/12/2011)	Tỷ lệ thực hiện 11/10
<b>A</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>100.142.996.502</b>	<b>117.643.038.618</b>	117%
1	Tài sản ngắn hạn	30.756.915.939	24.964.129.174	81%
2	Tài sản dài hạn	69.386.080.563	92.678.909.444	134%
<b>B</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>42.969.339.860</b>	<b>44.658.343.855</b>	104%
1	Nợ ngắn hạn	36.334.972.324	38.441.407.056	106%
2	Nợ dài hạn	6.634.367.536	6.216.936.799	94%
<b>C</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>57.173.656.536</b>	<b>72.984.694.763</b>	128%
1	Vốn chủ sở hữu	57.173.656.536	72.984.694.763	128%
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	24.986.520.000	54.860.460.000	220%
	Thặng dư vốn cổ phần	13.520.791.800	26.179.657.254	194%
	Cổ phiếu quỹ	(1.250.700)	(413.094.230)	33029%
	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(184.999.247)	(601.219.873)	325%
	Quỹ đầu tư phát triển	3.964.308.759	3.964.308.759	100%
	Quỹ dự phòng tài chính	859.717.030	859.717.030	100%
	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	401.117.030	401.117.136	100%
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.408.289.364	(13.485.413.813)	-109%
	Nguồn vốn đầu tư XDCB	1.219.162.500	1.219.162.500	100%
2	Nguồn kinh phí và các quỹ	0	0	



### 1.5 Những thay đổi về cổ đông/vốn góp năm 2010 và năm 2011:

Cổ đông	Năm 2010				Năm 2011			
	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông (%)		Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông (%)	
			Tổ chức	Cá nhân			Tổ chức	Cá nhân
Cổ đông Nhà nước	671.514	26,87	26,87	0	1.457.185	26,56	26,56	0
Cổ đông ngoài doanh nghiệp	1.697.065	67,92	15,45	52,47	3.599.048	65,60	12,34	53,26
Cổ đông trong Công ty	130.073	5,21	0,00	5,21	429.813	7,83	0,00	7,83
<i>Trong đó:</i>								
- <i>HDQT, Ban GD, BKS, KTT</i>	116.890	4,68	0,00	4,68	313.563	5,72	0,00	5,72
- <i>CBCNV</i>	13.183	0,53	0,00	0,53	116.250	2,12	0,00	2,12
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.498.652</b>	<b>100</b>	<b>42,32</b>	<b>57,67</b>	<b>5.486.046</b>	<b>100</b>	<b>39,21</b>	<b>61,09</b>

Cơ cấu cổ đông được thành lập trên cơ sở Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ngày đăng ký cuối cùng 12/01/2001 (Số: 20/2011-MIC/VSD/KĐ (Mẫu 11/THQ) ngày 17/01/2011 của VSD) và ngày đăng ký cuối cùng 22/3/2012 (Số: 327/2012-MIC/VSD/KĐ (Mẫu 09/THQ) ngày 28/3/2012 do VSD - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh lập).

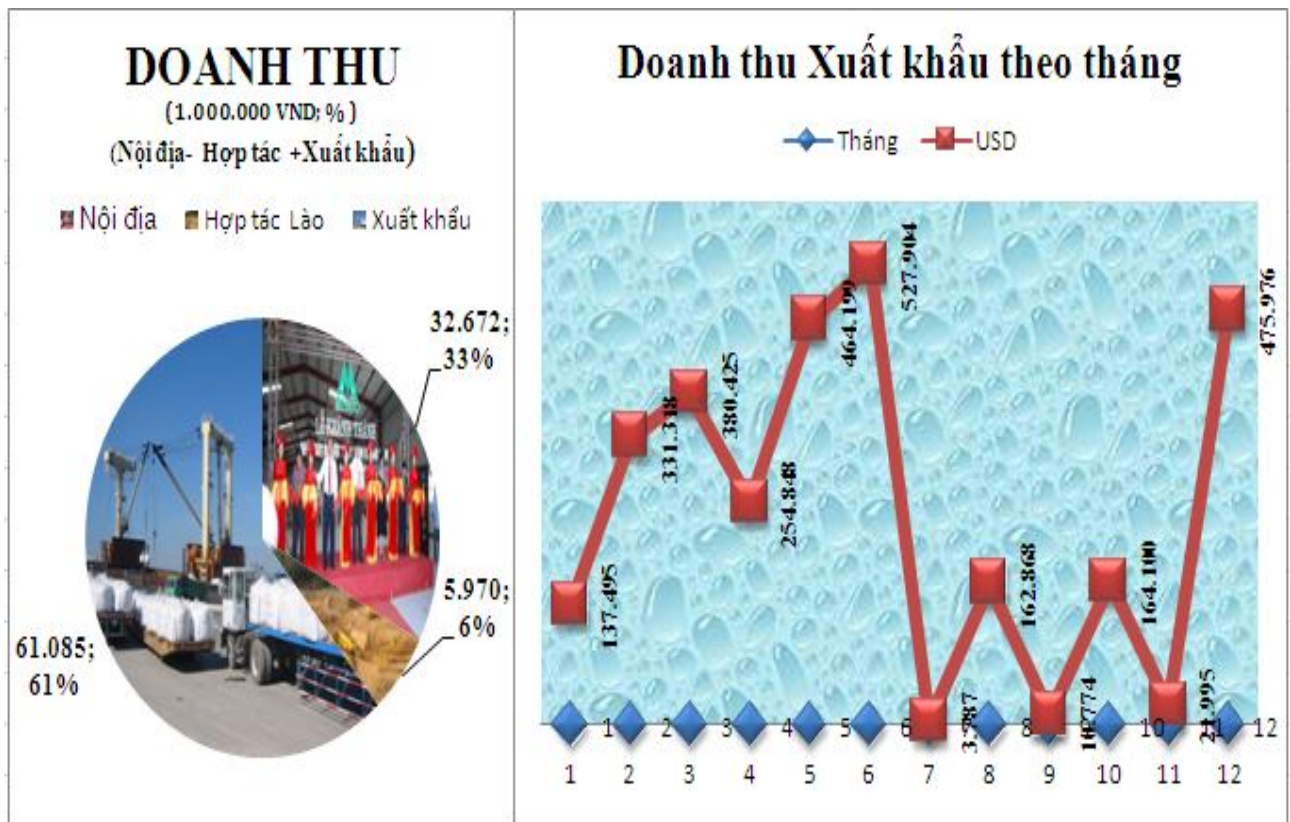
### 1.6 Tổng số cổ phiếu đang lưu hành tính đến 31/12/2011:

- <b>Tổng số cổ phiếu phát hành</b>	<b>5.486.046</b>	<b>CP</b>
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.486.046	CP
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	CP
- <b>Số cổ phiếu được mua lại làm cổ phiếu quỹ</b>	<b>30.325</b>	<b>CP</b>
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.325	CP
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	CP
- <b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>5.486.046</b>	<b>CP</b>
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.486.046	CP
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	

(\*) Tổng số : 30.325 cổ phiếu , gồm 125 CP được thực hiện theo NQ Số 07 /NQ2009-HDQT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của HDQT V/v mua cổ phiếu lẻ phát sinh từ đợt chia thưởng cổ phiếu năm 2009 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ2009 ngày 26/4/2009 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009) và 30.200 CP thực hiện trên sàn giao dịch theo Nghị quyết số 04/2011/NQ-HDQT ngày 08/4/2011 của Chủ tịch HDQT

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

### 2.1. Doanh thu – cơ cấu doanh thu thực hiện năm 2011:



## 2.2. So sánh kết quả kinh doanh năm 2011 và năm 2010:

TT	Chỉ tiêu	Năm nay (2010)	Năm nay (2011)	So sánh 11/10
<b>1</b>	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>85.908.509.774</b>	<b>89.517.246.191</b>	<b>104%</b>
2	Giá vốn hàng bán	45.783.046.328	73.034.320.083	160%
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng</b>	<b>40.125.463.446</b>	<b>16.482.926.108</b>	<b>41%</b>
4	Doanh thu hoạt động tài chính	1.767.986.125	2.532.247.330	143%
5	Chi phí hoạt động tài chính	2.824.851.514	5.448.510.534	193%
	<i>Trong đó : Lãi vay phải trả</i>	<i>2.809.802.596</i>	<i>3.882.557.518</i>	<i>138%</i>
6	Chi phí bán hàng	22.951.574.702	23.451.139.406	102%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.022.767.405	10.002.211.889	142%
<b>8</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>9.094.255.950</b>	<b>(19.886.688.391)</b>	<b>-219%</b>
9	Thu nhập khác	3.834.534.809	2.961.141.629	77%
10	Chi phí khác	1.395.187.094	2.238.865.372	160%
<b>11</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>2.439.347.715</b>	<b>722.276.257</b>	<b>30%</b>
<b>12</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>11.533.603.665</b>	<b>(19.164.412.135)</b>	<b>-166%</b>
13	Thuế TNDN	3.511.260.952	(4.007.749.957)	-114%
<b>14</b>	<b>Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>8.022.342.713</b>	<b>(15.156.662.178)</b>	<b>-189%</b>
<b>15</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.745</b>	<b>(3.099)</b>	<b>-113%</b>

## 2.3. Công ty không đạt chỉ tiêu lợi nhuận so với kế hoạch năm 2011 là do các nguyên nhân chủ yếu sau:

### Đối với hoạt động SXKD trong nước:

- Công ty chưa thực hiện tốt công tác cân đối kế hoạch nguồn nguyên liệu (cát trắng) dẫn đến cả năm 2011 chỉ tập trung cho công tác hoàn thổ với chi phí quá lớn, bên cạnh đó do chưa thuê được đất để khai thác cát nguyên liệu nên 95% nguyên liệu (cát trắng) phải mua ngoài nên giá vốn hàng bán tăng.
- Công tác chuyển đổi mô hình hoạt động tại các chi nhánh chậm so với kế hoạch, dẫn đến các chi nhánh bị động trước những biến động tăng bất thường của chi phí đầu vào (Thuế tài nguyên, năng lượng,..) trong khi giá bán không tăng tương ứng dẫn đến nhiều sản phẩm kinh doanh không hiệu quả.



### **Đối với hoạt động khai thác khoáng sản tại Lào:**

- Công ty không dự lường hết những yếu tố bất lợi khi đầu tư vốn vào hoạt động khai thác khoáng sản tại CHDCND Lào, trong đó đáng chú ý là: Cơ chế, chính sách quản lý của Chính phủ Lào còn tập trung bao cấp, thủ tục hành chính quá nhiều khe.
- Chính sách tài chính (các khoản phí, lệ phí và chi phí thuế,...) đối với hoạt động khai thác khoáng sản không ổn định và thay đổi theo xu hướng tăng lên từng năm; Chính phủ Lào có nhiều thay đổi trong chính sách quản lý hoạt động khoáng sản (Cấp phép khai thác từng năm một, trong khi thời hạn hoạt động của dự án là 5 năm) dẫn đến chi phí đầu tư ban đầu dự kiến thu hồi trong 5 năm phải phân bổ cho 1 năm, vì vậy hoạt động khai thác khoáng sản tại Lào không hiệu quả.
- Đặc điểm địa chất khu vực khai thác vàng sa khoáng khá phức tạp ( thân quặng, tầng quặng (bề dày tầng sản phẩm chứa vàng), bề dày lớp phủ và hàm lượng vàng phân bố không đồng đều, trong khi Công ty chưa bố trí đủ kinh phí và thời gian để thực hiện công tác khảo sát, thăm dò đúng quy trình dẫn đến hiệu quả thu hồi vàng thấp.
- Địa điểm khai thác (khai trường và chế biến) gần sông (Sê kong) lại phải đối mặt với tình hình thời tiết diễn biến bất thường so với các năm, cộng với hệ thống thiết bị, công nghệ tuyển quặng chưa đồng bộ dẫn đến thời gian hoạt động hữu ích quá ít và không liên tục (cộng dồn gần 4 tháng trong năm 2011) nên lợi ích kinh tế thu được không đạt chỉ tiêu đề ra.

### **Đối với công tác tổ chức quản lý điều hành:**

- Trình độ quản lý của một bộ phận cán bộ và chuyên viên chưa đổi mới tư duy, thiếu năng động, linh hoạt và phương pháp công tác chưa khoa học và hiệu quả. Tay nghề của công nhân còn thấp, ý thức kỷ luật chưa cao dẫn đến năng suất và chất lượng sản phẩm còn hạn chế. Nhìn chung nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu ổn định và phát triển Công ty.
- Công tác tuyển dụng, đào tạo nâng cao trình độ cho người lao động còn nhiều bị động, đôi khi còn mang tính mùa vụ và chưa có chiến lược hoạch định lâu dài, chưa đề ra cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực, thu hút nhân tài có trình độ, kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực quản lý điều hành tại Công ty.
- Công tác tiếp thị, mở rộng thị trường còn thụ động, đặc biệt đối với sản phẩm mới (VSTT); chưa chú trọng đến các giải pháp tiết kiệm năng lượng (nhiên liệu, điện năng,...) trong sản xuất; chưa đề ra các biện pháp kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất ; Quản lý dòng tiền chưa



thật tốt; xử lý thông tin tài chính còn chậm làm ảnh hưởng đến hiệu quả công tác quản lý điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

- Công tác tổ chức còn chậm được đổi mới, tạo sức ỳ trong hoạt động SXKD của đơn vị. Ngoài ra, Công ty chưa có giải pháp linh hoạt để đối phó kịp thời với những thay đổi chính sách quản lý tài nguyên trong nước.

### **3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được :**

*( Những cải tiến về chính sách quản lý và các biện pháp kiểm soát,..):*

Năm 2011, Công ty đã hoàn thành chuyển 02 Chi nhánh thành Công ty TNHH MTV do Công ty làm chủ sở hữu, chính thức chuyển đổi theo mô hình Công ty mẹ-con, bước đầu đã phát huy được tính chủ động, sáng tạo trong công tác quản lý, điều hành.

### **4. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:**

*Trong bối cảnh kinh tế thế giới và khu vực còn nhiều khó khăn tiềm ẩn, mặc dầu hoạt động SXKD năm 2011 không hiệu quả, song nếu xét về lợi thế so sánh thì Công ty có nhiều lợi thế sẵn có để có cơ hội phát triển, trong đó, một phần do Công ty sớm nhận thấy và đã chủ động cân đối các nguồn lực cho hoạt động SXKD trong nước và đầu tư ra nước ngoài, bên cạnh đó các Dự án đầu tư các năm qua đã sản xuất ra các loại sản phẩm mới đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật và được thị trường đón nhận với nhiều tín hiệu khả quan, phần khác, các dự án hợp tác đầu tư trong năm 2011, đặc biệt là khoản đầu tư tài chính vào Công ty TNHH vàng Phước Sơn đều cùng chung một mục tiêu nâng cao hiệu quả đồng vốn đầu tư .*

*Hiện nay, vấn đề còn lại là Công ty phải nhanh chóng đề ra các giải pháp hợp lý nhằm khai thác tốt nhất các lợi thế, đặc biệt chú trọng duy trì và cân đối hoạch nguồn nguyên liệu trong nước và địa bàn hoạt động khai thác khoáng sản tại CHDCND Lào đảm bảo ổn định trong kế hoạch 2012-2015; tập trung cân đối, khai thác có hiệu quả các nguồn lực và đẩy nhanh tiến độ đầu tư và hợp tác đầu tư có trọng tâm theo hướng chế biến sâu sản phẩm, chủ động tăng cường công tác dự báo, nâng cao năng lực quản trị tài chính nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tác động bất lợi từ các chủ trương , chính sách quản lý tài nguyên trong, ngoài nước và chi phí đầu vào xu thế ngày càng tăng, nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng tỷ lệ tích lũy nội bộ, từng bước đưa cấu trúc nguồn vốn dần trở lại cân bằng thì chắc chắn Công ty sẽ đi vào SXKD ổn định theo xu hướng phát triển bền vững.*



## **5. Kế hoạch phát triển trong tương lai gần** **( công tác quản lý điều hành; hoạt động SXKD và lĩnh vực đầu tư phát triển sản xuất)**

### **5.1. Hoạt động sản xuất:**

- Tập trung giải pháp quản lý nhằm đảm bảo cho việc duy trì và cân đối hoạch nguồn nguyên liệu trong nước và địa bàn hoạt động khai thác khoáng sản tại CHDCND Lào ổn định trong kế hoạch 2012-2015.
- Lựa chọn giải pháp khai thác và phương thức hợp tác khai thác vàng tại CHDCND Lào hợp lý và đảm bảo hiệu quả.
- Nâng cao hệ số thu hồi tài nguyên, áp dụng các giải pháp kỹ thuật và tăng cường quản lý nhằm giảm tiêu hao năng lượng chủ yếu trong sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng nhu cầu nhiều chủng loại của khách hàng .

### **5.2. Hoạt động kinh doanh, thương mại:**

- Tập trung sản phẩm cát, ưu tiên SX và kinh doanh đối với các sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao như cát sậy, granit, BTA 325 .
- Chú trọng lựa chọn phương thức vận chuyển hợp lý, ưu tiên đặc biệt các giải pháp kiểm soát và giảm chi phí bán hàng (bào bì, vận vận chuyển hàng bán) trong chi phí kinh doanh của Công ty.
- Tăng cường công tác dự báo tình hình thị trường, tỷ giá ngoại tệ có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Kết hợp kinh doanh các sản phẩm hiện có với kinh doanh thương mại các các dòng sản phẩm mới .
- Nghiên cứu thiết lập các kênh phân phối bán lẻ thông qua các đại lý tại TP Hồ Chí Minh , Hà Nội đối với sản phẩm vải sợi thủy tinh nhằm giảm chi phí vận chuyển và mở rộng thị trường .
- Tăng cường công tác tiếp thị, cập nhật thường xuyên kịp thời tình hình hoạt động của Công ty thông qua Website, hội chợ,...nhằm tạo điều kiện và cơ hội cho các Nhà đầu tư tiếp cận tình hình hoạt động, đồng thời quảng bá thương hiệu của Công ty

### **5.3. Tài chính**

- Ưu tiên đặc biệt trong việc đề ra các giải pháp tái cấu trúc nguồn vốn để cải thiện tình hình tài chính (Kiểm soát dòng tiền hàng ngày, tăng cường công tác quản trị mọi hoạt động, kiểm soát việc cân đối nguồn vốn, đảm bảo cân đối dòng tiền thực dương cho từng đơn vị và toàn Công ty, khai thác hiệu quả các tài sản đã đầu tư, ..tăng tỷ lệ tích



lũy nội bộ...) từng bước đưa cấu trúc nguồn vốn dần trở lại cân bằng.

- Tăng cường công tác dự báo về kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước để hạn chế tối đa những rủi ro thiệt hại trong SXKD của Công ty.
- Thúc đẩy liên doanh: Công ty TNHH vàng Phước Sơn, Công ty khai thác vàng Bông Miêu nâng cao hiệu quả SXKD nhằm đảm bảo hiệu quả việc đầu tư tài chính của Công ty.
- Xem xét việc thoái vốn khỏi Công ty LD Công trình Miền Trung (Công ty tham gia 25% vốn điều lệ (3,18 tỷ đồng)).

#### **5.4. Thực hiện các dự án đầu tư**

- Đầu tư tăng công suất sản phẩm bột Silica giai đoạn 1 lên 20 nghìn tấn/năm, thay đổi cơ cấu sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong nước và tiếp cận thị trường xuất khẩu trong những năm sau.
- Đầu tư cải tạo hệ thống buồng đốt, kết hợp tăng cường giải pháp quản lý, tăng sản lượng hàng hóa cát sấy lên 50.000 tấn/ năm.

#### **5.5. Nguồn nhân lực, duy trì, cải tiến và vận hành hệ thống HTQLCL ISO 9001:2008:**

- Xây dựng, bổ sung cơ chế, chính sách phân phối tiền lương, thưởng hợp lý, tạo động lực cho người lao động an tâm công tác ; chú trọng cân đối nguồn nhân lực theo hướng ưu tiên sản xuất và nâng cao năng lực quản lý điều hành phù hợp với cơ cấu mô hình Công ty Mẹ-con hiện nay, đảm bảo nguồn nhân lực hiệu quả, ổn định và kế thừa.
- Có chính sách thu hút nguồn nhân lực giỏi có khả năng làm việc độc lập, chịu được áp lực cao để đáp ứng sự phát triển của Công ty trong giai đoạn mới.
- Duy trì, cải tiến và vận hành thông suốt Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2008 , đồng thời triển khai xây dựng Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2008 cho các đơn vị trực thuộc mới thành lập.

#### **5.6. Tổ chức quản lý:**

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức của Công ty và các đơn vị trực thuộc theo hướng chuyên sâu theo từng lĩnh vực.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp, nhạy bén trong việc dự đoán tình hình, chú trọng làm tốt công tác phòng chống thiên tai .
- Đảm bảo tuyệt đối an toàn trong sản xuất, thực hiện đúng quy định công tác bảo vệ môi trường và công tác AT-VSLĐ. Bảo vệ tốt tài nguyên khoáng sản trong các khu vực mỏ do Công ty quản lý .

## 5.7. Lĩnh vực đầu tư phát triển :

### a. Các công trình đầu tư mới phát triển sản xuất:

tt	Nội dung dự án đầu tư mới :
a1	Dự án hợp tác xây dựng NM Cát khuôn đúc bọc nhựa
a2	Dự án hợp tác xây dựng NM sản xuất cát thủy tinh siêu sạch, siêu mịn
	Tăng tỷ lệ góp vốn trong liên doanh Công ty TNHH Vàng Phước Sơn (PSGC) từ 15% lên 30% VĐL, tương đương 1.500.000 USD
a3	<i>MINCO đã phát hành cổ phiếu Giai đoạn I, góp vốn 15% # 750.000USD, nếu tăng lên 30% VĐL, tương đương 1.500.000 USD (30% * 5.000.000 USD), công ty phải góp thêm 15% # 750.000USD.</i>

### b. Các công trình đầu tư xây dựng cơ bản tăng năng lực sản xuất:

Huy động vốn tích lũy từ lợi nhuận năm 2012, 30% số còn lại sẽ vay tín dụng dài hạn Ngân hàng thương mại để đầu tư :

tt	Nội dung dự án đầu tư tăng năng lực sản xuất
b1	Đầu tư tăng công suất sản phẩm bột Silica giai đoạn 1 lên 20 nghìn tấn/năm, thay đổi cơ cấu sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong nước và tiếp cận thị trường xuất khẩu trong những năm sau:
b2	Đầu tư cải tạo hệ thống buồng đốt, kết hợp tăng cường giải pháp quản lý, tăng sản lượng hàng hóa cát sậy lên 50.000 tấn/ năm.

*Trong bối cảnh kinh tế thế giới và khu vực đan xen nhiều khó khăn, thuận lợi và ẩn chứa nhiều bất lợi theo xu hướng ngày càng tăng. Để hạn chế thấp nhất những biến động không thuận lợi trong công tác quản lý điều hành hoạt động SXKD trong năm, Công ty đề ra ca các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể, tập trung triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế các nguồn lực hiện có, đầu tư vốn có trọng tâm, phát triển các dự án đầu tư có trọng điểm, linh hoạt, nhạy bén trong điều hành, phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2012, đảm bảo hoạt động SXKD tăng trưởng theo hướng ổn định, tạo cơ sở vững chắc cho sự phát triển nhanh và bền vững trong những năm sau.*

\*\_\*

#### **IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính của Công ty được Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán. Đơn vị kiểm toán độc lập là một trong những đơn vị được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị niêm yết. Các báo cáo tài chính của công ty đã được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán gồm:

- Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31/12/2011;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011.

#### **V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN:**

##### **Kiểm toán độc lập:**

Đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN)

Địa chỉ : 29 Hoàng Sa, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Tel : 84-8 39103908; Fax: 84-8 39104880

##### **Ý kiến của kiểm toán độc lập:**

Đơn vị kiểm toán độc lập đưa ra ý kiến và nhận xét Báo cáo tài chính năm 2011 “ Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan ”

#### **VI. CÁC CÔNG TY CON CÓ LIÊN QUAN:**

##### **1. Danh sách Công ty giữ trên 50% vốn cổ phần :**

Công ty đang nắm giữ 65% vốn cổ phần của Công ty TNHH Vải Sợi thủy tinh Quảng Nam và Công ty TNHH thiết bị Sợi thủy tinh Hoa Lâm, Trung Quốc: 35%.

**2. Danh sách Công ty giữ 100% vốn điều lệ:**

- a. Công ty TNHH MTV Tràng thạch Đại Lộc
- b. Công ty TNHH MTV chế biến Silica Quảng Nam

**3. Danh sách các đơn vị Công ty góp vốn tham gia liên doanh đến ngày 31/12/2011 :**

*Danh sách các đơn vị Công ty góp vốn đến ngày 31/12/2011:*

tt	Công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ		Tỷ lệ và mức góp vốn của MINCO		Vốn MINCO thực góp
					Tỷ lệ	Mức vốn góp	
1	Công ty LD Công trình Miền Trung	Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng các cấu kiện bê tông đúc sẵn	3.180.000.000	VNĐ	25%	795.000.000	795.000.000
2	Công ty TNHH khai thác vàng Bồng Miêu (*)	Thăm dò, khai thác vàng và chế biến vàng và các khoáng sản đi kèm trong vùng dự án đã được cấp phép.	3.000.000	USD	10%	300.000	100.000
3	Công ty TNHH Vàng Phước Sơn (PSGC)(**)	Thăm dò, khai thác vàng và chế biến vàng và các khoáng sản đi kèm trong vùng dự án đã được cấp phép.	5.000.000	USD	15%	750.000	750.000

(\*) Công ty CP Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam đã góp USD 100.000 # 1.568.600.000 VNĐ

(\*\*) Công ty CP Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam đã góp USD 750.000 # 15.397.500.000 VNĐ

#### **4. Tình hình hoạt động của các liên doanh :**

##### **3.1. Công ty liên doanh Công trình Miền Trung :**

###### **Vốn tham gia 795.000.000 đồng chiếm 25% Vốn điều lệ liên doanh**

Công ty Liên doanh Công trình Miền Trung (MENINCO) là doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo QĐ số 859/QĐ/TCCB-LĐ ngày 05/4/1997 của Bộ Giao thông vận tải, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 111628 do Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam cấp ngày 8/5/1997

Công ty hoạt động trên cơ sở Hợp đồng liên doanh số 01/DCT ngày 27/10/1996 giữa 03

Công ty :

Vốn điều lệ : 3.180.000.000 VNĐ

Trong đó :

- CTy Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam (MINCO) 25% 795.000.000 VNĐ
- CTy liên doanh công trình hữu nghị (CEFICO) (Tiền mặt) 40% 1.272.000.000 VNĐ
- CTy Trường An (TACO) (Tiền mặt) 35% 1.113.000.000 VNĐ

Công ty LD Công trình Miền Trung hoạt động trong lĩnh vực : Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng các cấu kiện bê tông đúc sẵn; xây dựng công trình giao thông; kinh doanh cung ứng vật tư, thiết bị phục vụ công trình giao thông; san lấp mặt bằng phục vụ các công trình thi công tại khu vực Quảng Nam

Theo báo cáo tài chính năm 2011 (Báo cáo tài chính đã kiểm toán Số 01.12.01 ngày 15/01/2012 của Chi nhánh Công ty TNHH & dịch vụ tin học TP Hồ Chí Minh tại Đà Nẵng) thì Liên doanh này đã có lãi :42.594.476, song vẫn còn lỗ lũy kế : 3.027.305.990 đồng.

##### **3.2. Công ty TNHH Khai thác vàng Bồng Miêu (BOGOMIN):**

**Vốn điều lệ : 3.000.000 USD, trong đó Bong Mieu Holding Ltd. Co. nắm giữ 80%, MIDECO nắm giữ 10% , MINCO nắm giữ 10%.**

Công ty TNHH Khai thác vàng Bồng Miêu (BOGOMIN) hiện đang tiếp tục triển khai dự án đầu tư theo Giấy Chứng nhận đầu tư Số 331022000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lại lần 2 ngày 27-8-2008 với tổng vốn đầu tư : 40.000.000 USD ( tăng thêm 15.000.000 USD so với Giấy phép Số 140/GPĐC2 của Bộ KH&ĐT cấp ngày 09/6/2005) với thời gian hoạt động của dự án là 25 năm.

Năm 2011, doanh thu thuần : 19.297.536 USD. Lỗ 2.049.427 USD, lỗ lũy kế 14.252.062 USD (Báo cáo tài chính đã kiểm toán Số 60755013/15268748 ngày 26/3/2012 của Đơn vị kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam).

### **3.3. Công ty TNHH vàng Phước Sơn (PSGC) :**

**Vốn điều lệ : 5.000.000 USD, trong đó NVM Co. Ltd. ( Canada ) nắm giữ 85% và MINCO nắm giữ 15% (= 750.000 USD ).**

Công ty liên doanh này được thành lập theo Luật đầu tư nước ngoài của Việt Nam theo Giấy phép đầu tư số 2355/GP, do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp vào ngày 20 tháng 10 năm 2003 .

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 331022000010 vào ngày 8 tháng 7 năm 2008 do UBND tỉnh Quảng Nam cấp, Công ty đã đăng ký lại thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác vàng và chế biến vàng và các khoáng sản đi kèm trong vùng dự án đã được cấp phép.

Năm 2011, doanh thu thuần : 39.356.108 USD . Lãi trước thuế là 9.635.763 USD, lãi sau thuế là 5.649.108SD và lãi lũy kế : 10.177.452 USD (Báo cáo tài chính đã kiểm toán Số 60755026/15268688 ngày 26/3/2012 của Đơn vị kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam)

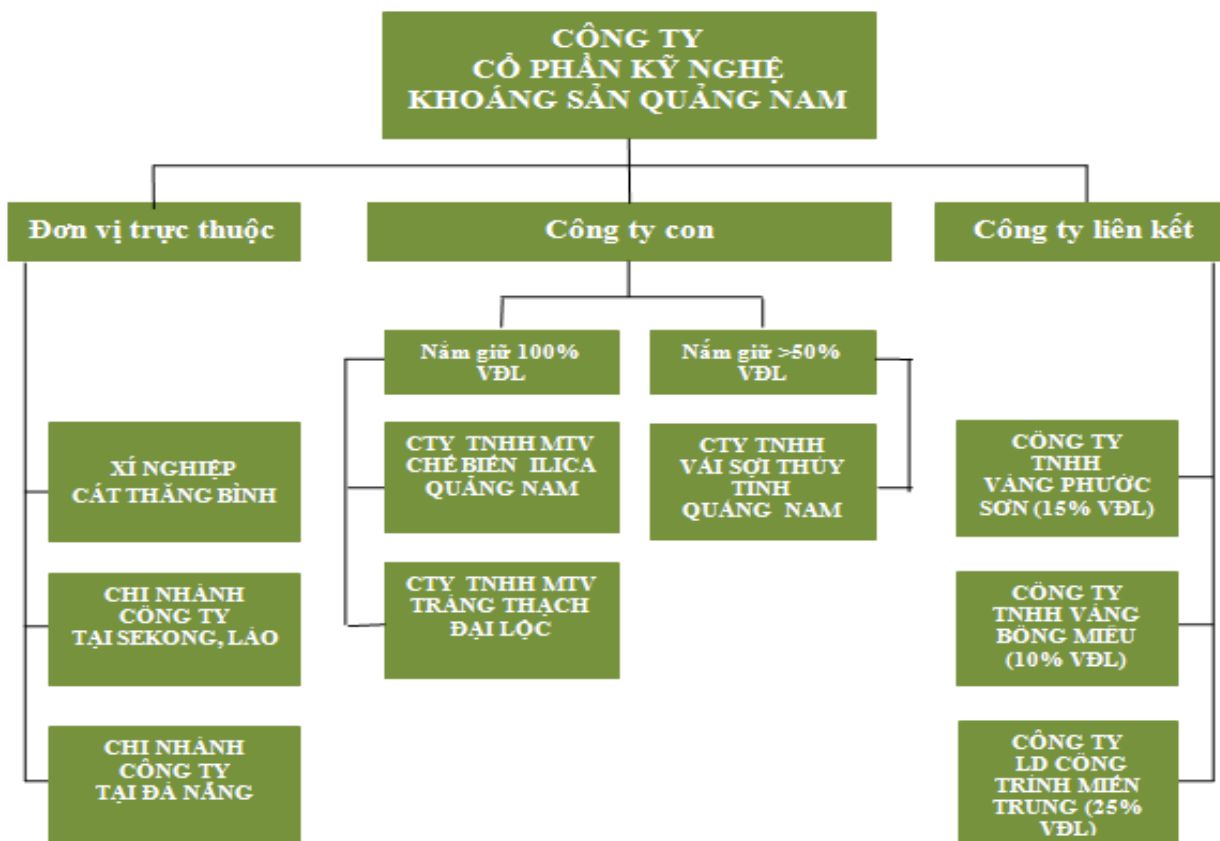
Đây là dự án có tính khả thi cao và hứa hẹn mang lại hiệu quả kinh tế-xã hội đáng kể trên địa bàn tỉnh và mang lại lợi nhuận đáng kể cho Công ty kể từ năm 2011 trở về sau.

## VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

### 1. Cơ cấu tổ chức và mô hình quản lý Công ty:

#### Sơ đồ 2:

#### MÔ HÌNH TỔ CHỨC QUẢN LÝ





## **Trụ sở chính**

*Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hà Lam-Chợ Đước, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam*

*Điện thoại: (84.0510)3 665 022 Fax: (84.0510) 3665 024*

*E-mail: [minco@dng.vnn.vn](mailto:minco@dng.vnn.vn); Website: [www.minco.com.vn](http://www.minco.com.vn)*



## **Các đơn vị trực thuộc :**

### **Xí nghiệp khai thác vàng Pu nêp**

*Địa chỉ: Xã Tư, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam.*

*Điện thoại (84.0510) 3797 137*

*E-mail: [punepgold@minco.com.vn](mailto:punepgold@minco.com.vn)*

### **Xí nghiệp Cát Thăng Bình**

*Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hà Lam -Chợ Đước,  
huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.*

*Điện thoại: (84.0510) 3874 555*

*E-mail: [sandtb@minco.com.vn](mailto:sandtb@minco.com.vn)*



**Công trường khai thác khoáng sản tại  
CHDCND Lào**

*Địa chỉ: Huyện Kaleum – tỉnh SêKong, nước  
CHDCND Lào*



**Công ty con :**

**Công ty TNHH MTV Tràng Thạch Đại Lộc**

*Địa chỉ : Xã Đại Đồng , Đại Lộc, Quảng Nam*

*Điện thoại:(84.0510)3846 935*

*Fax: (84.0510) 38466 617*

*E-mail: trangthachdl@minco.com.vn*



**Công ty TNHH MTV chế biến Silica Quảng  
Nam**

*Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hà Lam – Chợ Đước,  
Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam.*

*Điện thoại : (84.0510) 3665 789*

*E-mail: silicatb@minco.com.vn*



### **Nhà máy Vải thủy tinh Quảng Nam**

*Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hà Lam –*

*Chợ Đước, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam.*

*Điện thoại : (84.0510) 3665 165*

*E-mail: [vaithuytinh@minco.com.vn](mailto:vaithuytinh@minco.com.vn)*



### **Chi nhánh Công ty tại Thành phố Đà Nẵng**

*Địa chỉ : 539 Nguyễn Hữu Thọ, TP. Đà Nẵng*

*Điện thoại: (84.0511) 3699 414; 3699424 ;*

*FAX : (84.0511) 3699 434*





## **2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban giám đốc và Kế toán trưởng :**

### **2.1. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty :**

Ban Giám đốc gồm 03 thành viên (Tổng Giám đốc, hai Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng công ty.

### **2.2. Tóm tắt lý lịch:**

#### **(1) Ông Nguyễn Xuân Lư Tổng Giám đốc Công ty**

**HDQT Nhiệm kỳ 2005-2010 quyết định bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam từ ngày 1/1/2007 và đã được HDQT nhiệm kỳ 2010-2015 tái bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc ngày 04/6/2010.**

- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HDQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ nghệ khoáng sản Quảng Nam.
- Số lượng cổ phần sở hữu: 68.202 cổ phần – tương ứng 1,24% Vốn điều lệ
- Những người có liên quan:  
Vợ là Bà Lê Thị Hoà , số cổ phiếu nắm giữ : 4.687 cổ phần
- Các khoản nợ với Công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: chưa có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có\

#### **(2) Ông Phạm Văn Lâm Phó Tổng Giám đốc Công ty**

**HDQT Nhiệm kỳ 2005-2010 quyết định bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 01/01/2008 và tái bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 04/6/2010.**

- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Động lực
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam
- Số lượng cổ phần sở hữu: 4.828 cổ phần – tương ứng 0,09% Vốn điều lệ
- Các khoản nợ với Công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: chưa có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có

**(3) Ông Nguyễn Dũng Phó Tổng Giám đốc\**

**HĐQT Nhiệm kỳ 2005-2010 quyết định bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 15/10/2008 và tái bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 04/6/2010.**

- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ Công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam kiêm Thư ký Công ty.
- Số lượng cổ phần sở hữu: 7.882 cổ phần – tương ứng 0,14% Vốn điều lệ
- Những người có liên quan: không có
- Các khoản nợ với Công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: chưa có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có

**(4) . Kế toán trưởng**

**Ông Lê Quang Lực Kế toán trưởng**

**HĐQT Nhiệm kỳ 2005-2010 quyết định bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty từ ngày 15/10/2008 và tái bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty từ ngày 04/6/2010.**

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán
- Chức vụ Công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam .
- Số lượng cổ phần sở hữu: 2.832 cổ phần – tương ứng 0,05% Vốn điều lệ
- Những người có liên quan: không có
- Các khoản nợ với Công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: chưa có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có

**(2) Quyền lợi của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:**

- Quỹ tiền lương của Ban Giám đốc, kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác thuộc thẩm quyền HĐQT bổ nhiệm, do HĐQT phê duyệt mức lương theo tháng, hàng tháng được tạm ứng tối đa bằng 80% mức lương tháng được phê duyệt, phần còn lại được thanh

toán vào cuối năm .Quỹ tiền lương này nằm trong đơn giá tiền lương sản phẩm của công ty đã được HĐQT phê duyệt

- Tiền thưởng và các khoản phúc lợi khác như CBCNV Công ty, được khen thưởng theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ và được chi từ nguồn lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty (10% Quỹ khen thưởng và phúc lợi)

### (3) Cơ cấu lao động :

TT	Loại lao động	Số lượng		Tỷ lệ
		Nam	Nữ	
	<b>Phân theo trình độ học vấn</b>			
1	Trên đại học	0	0	0%
2	Đại học	45	8	22%
3	Cao đẳng	1	1	1%
4	Trung cấp và tương đương	42	3	18%
5	Lao động phổ thông	104	40	59%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>192</b>	<b>52</b>	<b>100%</b>
	<b>Phân theo phân công lao động</b>			
1	Hội đồng quản trị/ Ban GD	4	0	2%
2	Lao động điều hành cấp trung	18	1	8%
3	Lao động điều hành, kỹ thuật viên, (CM)	25	7	13%
4	Lao động trực tiếp	145	44	77%

#### **(4) Thay đổi thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát trong năm 2011:**

##### **5.1. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị :**

- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2005-2010 gồm có 7 thành viên (đã được Đại hội cổ đông lần thứ nhất bổ nhiệm 05 thành viên ngày 28/4/2005 và Nghị quyết Số 05/NQ/CPKNKSQN-ĐHĐCĐ ngày 25/10/2008 bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT) , gồm ;

- (1) Ông Nguyễn Xuân Tường, Chủ tịch HĐQT
- (2) Ông Huỳnh Khánh Toàn, Thành viên
- (3) Ông Nguyễn Xuân Lư Thành viên
- (4) Ông Võ Ngọc Linh , Thành viên
- (5) Ông Đinh Dũng, Thành viên
- (6) Ông Đoàn Ngọc Cương , Thành viên
- (7) Ông Phạm Văn Sa, Thành viên

- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2010-2015 gồm có 7 thành viên (đã được Đại hội cổ đông năm 2010, Nhiệm kỳ 2010-2015 ngày 29/5/2010 bầu) đã thay đổi 4 thành viên mới và ba thành viên cũ , cụ thể ;

- (1) Ông Nguyễn Quốc Khánh, Chủ tịch HĐQT
- (2) Ông Nguyễn Xuân Lư, Phó Chủ tịch HĐQT
- (3) Ông Đoàn Ngọc Cương, Thành viên
- (4) Ông Nguyễn Thanh Hải, Thành viên
- (5) Bà Phan Thị Túy Vân, Thành viên
- (6) Ông Phạm Văn Sa, Thành viên
- (7) Ông Nguyễn Dũng, Thành viên

##### **5.2. Thay đổi thành viên Ban Kiểm soát :**

- Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2005-2010 gồm có 3 thành viên (đã được Đại hội cổ đông lần thứ nhất bổ nhiệm 03 thành viên ngày 28/4/2005 và Nghị quyết Số 05/NQ/CPKNKSQN-ĐHĐCĐ ngày 25/10/2008 bầu bổ sung 01 thành viên HDQT thay cho Ông Phạm Văn Lâm , nguyên Thành viên BKS được HĐQT bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 01/01/2008) , gồm :

- (1) Ông Trương Ngọc Thành , Trưởng Ban
- (2) Ông Nguyễn Thạch, Thành viên
- (3) Ông Nguyễn Hồng Tuấn, Thành viên

- Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2010-2015 gồm có 3 thành viên mới (đã được Đại hội cổ đông năm 2010, Nhiệm kỳ 2010-2015 ngày 29/5/2010 bầu) , gồm ;

- (1) Ông Trương Văn Năm , Trưởng Ban
- (2) Ông Phạm Xuân Tuyển, Thành viên
- (3) Bà Phan Thùy Dương, Thành viên

## **VIII. THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG**

### **1. Hội đồng quản trị :**

#### **1.1 Cơ cấu Hội đồng quản trị :**

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2010-2015 gồm có 7 thành viên (đã được Đại hội cổ đông năm 2010, Nhiệm kỳ 2010-2015 ngày 29/5/2010 bầu) , gồm ;

- (1) Ông Nguyễn Quốc Khánh, Chủ tịch HĐQT
- (2) Ông Nguyễn Xuân Lư, Phó Chủ tịch HĐQT
- (3) Ông Đoàn Ngọc Cương, Thành viên
- (4) Ông Nguyễn Thanh Hải Thành viên
- (5) Bà Phan Thị Túy Vân, Thành viên
- (6) Ông Phạm Văn Sa, Thành viên
- (7) Ông Nguyễn Dũng, Thành viên

#### **1.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị :**

- Trong năm 2011, Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức 07 kỳ họp HĐQT, 01 kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2011 vào ngày 21/5/2011, với tỷ lệ tham gia 98,45% .



- Các thành viên HĐQT đều đã được phân công mỗi thành viên HĐQT phụ trách một lĩnh vực phù hợp với chuyên môn của mình để đưa ra những ý kiến hiệu quả giúp HĐQT có những quyết định đúng đắn phục vụ hoạt động SXKD của công ty. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức theo đúng điều lệ công ty, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT, HĐQT đã giám sát và thúc đẩy tiến độ thực hiện kế hoạch SXKD đưa ra phương hướng chỉ đạo đối với Ban giám đốc trong việc điều hành công ty.
- Nội dung các nghị quyết HĐQT năm 2011:

ST	Số	Ngày	Nội dung
1.	01/2011/NQ-HĐQT	11/3/2010	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2011, dự kiến tổ chức vào ngày 21/5/2011.
2.	02/2011/NQ-HĐQT	11/3/2011	Thông qua chủ trương đăng ký mua 200.000 CP quỹ; -Giao các xí nghiệp trực thuộc công ty tổ chức hạch toán độc lập; Thuê Công ty tư vấn xây dựng phương án cơ cấu lại hình thức tổ chức công ty theo mô hình hiện đại.
3.	03/2011/NQ-HĐQT	08/4/2011	V/v cử người đại diện giao dịch chứng khoán tại Công ty cổ phần Chứng Khoán Âu Việt
4.	04/2011/NQ-HĐQT	11/04/2010	1. Thông qua chủ trương đăng ký mua cổ phiếu quỹ năm 2011 như sau: 2. Thông qua việc uỷ quyền cho ông Nguyễn Thanh Hải, TV Hội đồng quản trị Công ty được thực hiện việc mua cổ phiếu quỹ
5.	05/2011/NQ-HĐQT	11/04/2011	Thông qua việc sửa đổi một số nội dung của Điều lệ Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam cho phù hợp với thực tế vốn điều lệ và số lượng cổ phần mới sau khi thực hiện việc phát hành và chào bán cổ phiếu ra công chúng.

6.	06/2011/NQ-HĐQT	11/04/2011	Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam cho phù hợp với thực tế vốn điều lệ và số lượng cổ phần mới sau khi thực hiện việc phát hành và chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Điều 2, Nghị quyết Số 01NQ-ĐHĐCĐTN 2010 ngày 29/5/2010 và Giấy Chứng nhận chào bán cổ phiếu Số 753/UBCK-GCN ngày 07/12/2010 của UBCKNN
7.	07/2011/NQ-HĐQT	11/04/2011	Thông qua việc xử lý <b>59.762</b> cổ phần không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu và người lao động trong công ty trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ 24.986.520.000 đồng lên 54.860.460.000 đồng (Theo Giấy Chứng nhận chào bán cổ phiếu số 753/UBCK-GCN do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 7-12-2010)
8.	08/2011/NQ-HĐQT	16/06/2011	V/v Phân công nhiệm vụ tham gia điều hành tại mỏ khoáng sản Kaluem- SêKong - Nước CHDCND Lào
9.	09/2011/NQ-HĐQT	22/06/2011	V/v tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Thủy tinh Châu Âu
10	10/2011/NQ-HĐQT	21/07/2011	Thông nhất chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) thực hiện việc soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam cho năm tài chính 2011.
11	10/2011/NQ-HĐQT	22/09/2011	V/v chuyển nhượng phần vốn và quyền góp vốn của Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam (MINCO) tại Công ty TNHH Khai thác vàng Bông Miêu (BOGOMIN)

## 2. Ban Kiểm soát :

### 2.1. Cơ cấu Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2010-2015 gồm có 3 thành viên (đã được Đại hội cổ đông năm 2010, Nhiệm kỳ 2010-2015 ngày 29/5/2010 bầu) , gồm ;

(1) Ông Trương Văn Năm, Trưởng ban

- (2) Ông Phạm Xuân Tuyền, Thành viên
- (3) Bà Phan Thùy Dương, Thành viên

## **2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát :**

- Thực hiện giám sát hoạt động tài chính, các báo cáo kết quả hoạt động SXKD hàng quý, 6 tháng, một năm và báo cáo tài chính sau khi đã được kiểm toán. Các số liệu báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả thực hiện SXKD năm 2011 hoàn toàn chính xác với sổ sách kế toán và kiểm tra thực tế.
- Trưởng ban Kiểm soát được mời tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT để tham gia và đóng góp ý kiến các vấn đề liên quan đến định hướng, chiến lược phát triển công ty và giám sát công tác quản lý điều hành kế hoạch SXKD năm 2011.
- Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành công ty năm 2011. Xem xét báo cáo kiểm toán do Công ty kiểm toán độc lập phát hành.
- Kiểm tra, giám sát các thủ tục, trình tự công tác tổ chức Đại hội cổ đông thường niên đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HĐQT, tập trung hỗ trợ sát sao HĐQT để triển khai tốt nghị quyết.
- Kiểm tra việc chấp hành luật pháp, chế độ, chính sách của Nhà nước; Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

## **3. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát :**

### **Hội đồng quản trị (07 người) :**

#### **(1) Ông Nguyễn Quốc Khánh      Chủ tịch HĐQT**

**Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT ngày 29/5/2010 (Đại hội cổ đông thường niên 2010, nhiệm kỳ 2010-2015- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam) .**

- Trình độ học vấn:            Đại học
- Trình độ chuyên môn:      Kỹ sư kinh tế vận tải biển
- Chức vụ công tác hiện nay:
  - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

- Thành viên HĐQT Công ty CP Gemadep; Công ty CP Công viên nước Đầm sen; Công ty CP nước khoáng Vĩnh Hảo; Ngân hàng TMCP Nam Việt.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 125.666 cổ phần - tương ứng với 2,29 % Vốn điều lệ
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không có.
- Các khoản nợ với Công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: chưa có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có

**(2) Ông Nguyễn Xuân Lư Phó Chủ tịch HĐQT**

*(Xem chi tiết đã trình bày tại phần Ban Giám đốc và Kế toán trưởng)*

**(3) Ông Đoàn Ngọc Cương Thành viên HĐQT**

**Thành viên HĐQT ngày 29/5/2010 (Đại hội cổ đông thường niên 2010, nhiệm kỳ 2010-2015- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam) .**

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác *(nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):*
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam, Phó TGD Công ty Cổ phần Trang My, TP Hồ Chí Minh.
- Số lượng cổ phần sở hữu: 8.315 cổ phần – tương ứng 0,15 % Vốn điều lệ
- Những người có liên quan:  
Vợ là Bà Nguyễn Thị Trà My , số cổ phiếu nắm giữ : 26.387 cổ phần
- Các khoản nợ với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Chưa có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

**(4) Ông Nguyễn Thanh Hải Thành viên HĐQT**

**Thành viên HĐQT ngày 29/5/2010 (Đại hội cổ đông thường niên 2010, nhiệm kỳ 2010-2015- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam) .**

- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ KHKT
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 41.300 cổ phần - tương ứng với 0,75 % Vốn điều lệ
- Những người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ với Công ty: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

**(5) Bà Phan Thị Túy Vân      Thành viên HĐQT**

**Thành viên HĐQT ngày 29/5/2010 (Đại hội cổ đông thường niên 2010, nhiệm kỳ 2010-2015- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam) .**

- Trình độ học vấn:            Đại học
- Trình độ chuyên môn:      Kỹ sư chế biến Thủy Sản, Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT Công ty cp khoáng sản Quảng Nam (MINCO), Cổ đông sáng lập Công ty Việt Nam Northern ViKing Technology tại KCN Tân Thới Hiệp, tp HCM
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 13.350 cổ phần , - tương ứng với 0,75 % Vốn điều lệ của MIC
- Những người có liên quan:
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Chưa có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

**(6) Ông Phạm Văn Sa            Thành viên HĐQT**

**Thành viên HĐQT ngày 29/5/2010 (Đại hội cổ đông thường niên 2010, nhiệm kỳ 2010-2015- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam) .**

- Trình độ học vấn:            Đại học
- Trình độ chuyên môn:      Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty, Trưởng phòng Kế hoạch-Kinh doanh Công ty CP Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam
- Số lượng cổ phần sở hữu: 3.830 cổ phần – tương ứng 0,07% Vốn điều lệ
- Những người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Chưa có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

**(7) Ông Nguyễn Dũng            Thành viên HĐQT**

*(Xem chi tiết đã trình bày tại phần Ban Giám đốc và Kế toán trưởng)*

**Ban kiểm soát (03 người)**

**(1) Ông Trương Văn Năm : Trưởng Ban Kiểm soát**

**Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày ngày 29/5/2010 (Đại hội cổ đông thường niên 2010, nhiệm kỳ 2010-2015- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam và Ban Kiểm soát bầu)**

- Trình độ học vấn : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế.
- Chức vụ công tác hiện nay : Trưởng ban kiểm soát, Trưởng phòng TC-HC Công ty.
- Số cổ phần nắm giữ: 2.532 cổ phần. Tỷ lệ : 0,005%
- Các khoản nợ với Công ty (nếu có): Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

**(2) Ông Phạm Xuân Tuyền Thành viên Ban kiểm soát**

**Thành viên Ban Kiểm soát từ ngày ngày 29/5/2010 (Đại hội cổ đông thường niên 2010, nhiệm kỳ 2010-2015- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam)**

- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam, Giám đốc Công ty CP Biển và Trời.
- Số lượng cổ phần sở hữu : 2.017 CP , tương ứng 0,04% Vốn điều lệ
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không có.
- Các khoản nợ với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Chưa có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

**(3) Bà Phan Thùy Dương Thành viên Ban kiểm soát**

**Thành viên Ban Kiểm soát từ ngày ngày 29/5/2010 (Đại hội cổ đông thường niên 2010, nhiệm kỳ 2010-2015- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam )**

- Trình độ Học vấn : Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán tổng hợp - Cảng Vụ Hàng Hải Tp.HCM ; Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam.
- Số lượng cổ phần sở hữu: 2.234 cổ phần-tương ứng với 0,04 % Vốn điều lệ
- Những người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

#### 4. Thành viên độc lập không điều hành

- Ông Nguyễn Quốc Khánh
- Ông Đoàn Ngọc Cương
- Ông Nguyễn Thanh Hải
- Bà Phan Thị Túy Vân

#### 5. Tổng chi phí thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2011:

Tổng chi phí thù lao HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT và chi phí công tác và kiểm soát của Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được chi trả theo mức chi trả đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 thông qua, cụ thể :

ĐVT: đồng

TT	Đối tượng	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	% TH/KH
<b>1</b>	<b>Thù lao HĐQT, BKS và TK Cty</b>	<b>348.000.000</b>	<b>348.000.000</b>	<b>100%</b>
<i>a</i>	<i>Thù lao HĐQT</i>	<i>240.000.000</i>	<i>240.000.000</i>	<b>100%</b>
<i>b</i>	<i>Thù lao BKS</i>	<i>78.000.000</i>	<i>78.000.000</i>	<b>100%</b>
<i>c</i>	<i>Thù lao Thư ký Công ty</i>	<i>30.000.000</i>	<i>30.000.000</i>	<b>100%</b>
<b>2</b>	<b>Chi phí công tác, quản lý và kiểm soát (HĐQT, BKS, Công tác phí, ...)</b>	<b>130.000.000</b>	<b>137.538.071</b>	<b>106%</b>
	<b>Tổng số</b>	<b>478.000.000</b>	<b>485.538.071</b>	<b>102%</b>

#### 6. Giao dịch cổ phiếu :

(HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc điều hành, cổ đông lớn và các giao dịch khác, giao dịch liên quan đến các đối tượng nói trên)

**6.1. Giao dịch CP của cổ đông nội bộ :** Không phát sinh.

**6.2. Giao dịch CP của cổ đông lớn :** Không phát sinh.

**6.3. Giao dịch cổ phiếu người liên quan của cổ đông nội bộ:** Không phát sinh.

**7. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn :**

**7.1. Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn:**

tt	Tên cổ đông	Năm 2010	Thay đổi trong năm	Năm 2011
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	26,88%	-0,31%	26,56%
2	Công ty Cổ phần Công nghiệp Hoá chất Đà Nẵng	8,00%	-0,09%	7,91%
3	Công ty Cổ phần Trang My	7,00%	-2,91%	4,09%
4	Lê Thị Thuận	0%	5,82%	5,82%

**7.2. Cơ cấu vốn cổ phần :**

**Bảng 1: Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông của Công ty đến ngày 22/3/2012**

Cổ đông	Năm 2011			
	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông (%)	
			Tổ chức	Cá nhân
<b>Cổ đông Nhà nước</b>	1.457.185	26,56	26,56	0
<b>Cổ đông ngoài doanh nghiệp</b>	3.599.048	65,60	12,34	53,26
<b>Cổ đông trong Công ty</b>	429.813	7,83	0,00	7,83
<b>Trong đó:</b>				
- HĐQT, Ban GD, BKS, KTT	313.563	5,72	0,00	5,72
- CBCNV	116.250	2,12	0,00	2,12
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.486.046</b>	<b>100</b>	<b>39,21</b>	<b>61,09</b>



### 7.3. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty:

**Bảng 2:** Danh sách các cổ đông nắm giữ trên 5% Vốn cổ phần của Công ty đến ngày 22-3-2012

tt	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Trị giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	06 Phan Huy Chú, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.457.185	14.571.850.000	26,56%
2	Công ty CP Công nghiệp hóa chất Đà Nẵng	53 Lê Hồng Phong, Q.Hải Châu, TP Đà Nẵng	434.000	4.340.000.000	7,91%
3	Lê Thị Thuận	305- Phan Chu Trinh - Đà Nẵng	319.380	3.193.800.000	5,82%
	<b>Cộng</b>		<b>2.210.565</b>	<b>22.105.650.000</b>	<b>40,29%</b>

### 7.4. Danh sách cổ đông sáng lập :

**Bảng 3:** Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty có đến 22-3-2012

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước.	06 Phan Huy Chú, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.457.185	26,56%
2	Công ty CP Cung ứng Vật tư Công nghiệp Viễn Thiên. (Đại diện: Ông Võ Ngọc Linh)	2-4-6 Đồng Khởi, Phòng 222, Q.1, TpHCM	434	0,01%
3	Ông Nguyễn Xuân Lư	57 Triệu Nữ Vương, Đà Nẵng	68.202	1,24%
4	Ông Đinh Dũng	39 Lý Thái Tổ, Đà Nẵng	2.725	0,05%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.528.546</b>	<b>27,86%</b>

Cơ cấu cổ đông được thành lập trên cơ sở Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ngày đăng ký cuối cùng 12/01/2011 (Số: 20/2011-MIC/VSD/KĐ (Mẫu 11/THQ) ngày 17/01/2011 của VSD) và ngày đăng ký cuối cùng 22/3/2012 (Số: 327/2012-MIC/VSD/KĐ (Mẫu 09/THQ) ngày 28/3/2012 do VSD - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh lập).



## **IX. THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG , HỖ TRỢ ĐỊA PHƯƠNG VÀ THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI:**

Công ty thực hiện đúng các quy định hiện hành trong các hoạt động bảo vệ môi trường sau khai thác, đóng góp kinh phí hỗ trợ địa phương xây dựng cơ sở hạ tầng và tham gia có hiệu quả các hoạt động xã hội từ thiện nơi các đơn vị trực thuộc Công ty đang hoạt động sản xuất.

Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và các nhà đầu tư.

*Quảng Nam, ngày 20 tháng 4 năm 2012*

**Tổng Giám đốc**

**NGUYỄN DŨNG**